

Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn

Quốc lộ 30, Phường 11, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84.67) 3891166, 3891663, 3891664

Fax : (84.67) 3891062

Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Lầu 8 - 9, 569 - 571- 573 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 3836 4849/ 3836 5058

Fax : (84.8) 38365090

www.vinhhoan.com.vn



Dòng sông Mekong: Kho báu của tự nhiên



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
Báo cáo thường niên 2010



QUÀ TẶNG CỦA DÒNG SÔNG MEKONG

Vĩnh Hoàn được thành lập nhằm cung cấp cho cuộc sống sự đa dạng về các mặt hàng thủy sản từ dòng sông Mekong trù phú. Chúng tôi hoàn thiện các sản phẩm theo từng yêu cầu của khách hàng và mang đến cho các đối tác sự chân thành, hiệu quả và thỏa đáng trong kinh doanh. Vĩnh Hoàn luôn nỗ lực đáp ứng sự mong đợi của quý khách hàng với quy trình sản xuất khép kín, hệ thống truy xuất hoàn chỉnh và quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là mang quà tặng của dòng sông Mekong đến người tiêu dùng dưới dạng những sản phẩm ngon, đẹp và tốt cho sức khỏe.

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	02
Các thành tựu nổi bật	04
Lịch sử hoạt động	08
Triển vọng ngành	11
Tiềm năng Vĩnh Hoàn	15
Báo cáo Hội Đồng Quản Trị	20
Báo cáo Ban Giám Đốc	29
Báo cáo Ban Kiểm Soát	39
Các công ty có liên quan	42
Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của công ty	44
Thông tin cổ đông và quản trị công ty	49
Văn hóa doanh nghiệp và Trách nhiệm cộng đồng	54
Báo cáo Tài chính hợp nhất	57

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa các quý vị Cổ đông,

Năm 2010 đánh dấu một kỷ lục mới về doanh thu và lợi nhuận trong lịch sử 14 năm hoạt động của Vĩnh Hoàn. Doanh thu thuần tăng 8,60 %, lợi nhuận tăng 10,77 % so với năm 2009, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt giá trị 132 triệu USD vượt lên đứng đầu trong ngành cá tra. Những thành quả của năm 2010 đã tiếp nối chuỗi tăng trưởng đều đặn của công ty, tạo dựng thêm niềm tin cho các quý vị cổ đông, nhà đầu tư và cả chúng tôi, những người trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày trong suốt những năm tháng qua. Chúng ta thêm tự tin vì thấy rằng những gì mình kiên trì đeo đuổi, vất vả gầy dựng là đúng đắn và mang lại kết quả tốt đẹp. Có tập trung mọi sức lực xây dựng một hệ thống khép kín trong nhiều năm chúng ta mới vượt qua được tình hình thiếu hụt nguyên liệu trầm trọng, mới đóng góp vào lợi nhuận của công ty một khoản đáng kể từ hoạt động nuôi trồng. Có nỗ lực thực hiện một chính sách quản lý chất lượng nhất quán, không thỏa hiệp, thì sản phẩm của chúng ta mới đứng vững ở thị trường thế giới, vượt qua các rào cản phi thương mại của các nước nhập khẩu. Năm 2010 còn là khoảng thời gian chúng ta có nhiều cảm xúc vui buồn trái ngược nhau trong vụ kiện chống bán phá giá ở Mỹ và kết quả đạt được là mức thuế chống bán phá giá vào thị trường Mỹ 0% năm thứ hai liên tiếp. Chính trong thử thách, chúng ta đã có được những bài học lớn về đấu tranh pháp lý, về sự đồng lòng và giúp đỡ của biết bao người để có được những thành công ngoài mong đợi. Thành công này là động lực mạnh mẽ nhất để ban lãnh đạo cùng toàn thể mấy ngàn công nhân viên Vĩnh Hoàn tiếp tục hoàn thiện và tự tin trong những chặng đường sắp tới.

Năm 2011 cũng đánh dấu cột mốc Vĩnh Hoàn chuyển từ một tập đoàn thủy sản, với mặt hàng chính là cá tra thành một tập đoàn thực phẩm với hoạt động đa ngành nghề mà trước tiên là xâm nhập vào ngành hàng gạo và sản xuất Collagen. Chiến lược này hướng đến sự tăng trưởng bền vững của công ty, vừa giúp gia tăng lợi nhuận vừa có ý nghĩa bảo vệ môi trường, gia tăng giá trị ở từng khâu sản xuất trong hệ thống khép kín. Đây chính là hoạch định kinh doanh của Vĩnh Hoàn trong ít nhất 5 năm sắp tới.

Thay mặt cho ban điều hành công ty, tôi cảm ơn các quý vị cổ đông, nhà đầu tư đã tin tưởng và tạo điều kiện cho chúng tôi làm việc hiệu quả để không những có được lợi nhuận vượt kế hoạch của năm 2010 mà còn tạo nền tảng cho một tương lai vững chắc.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị



Thị Lệ Khanh

Chủ Tịch HĐQT
Trương Thị Lệ Khanh

**“Chính sách phát triển
bền vững dựa trên những
nguyên tắc nhất quán
về chất lượng sản phẩm,
quản lý chi phí và tạo
uy tín với khách hàng”**

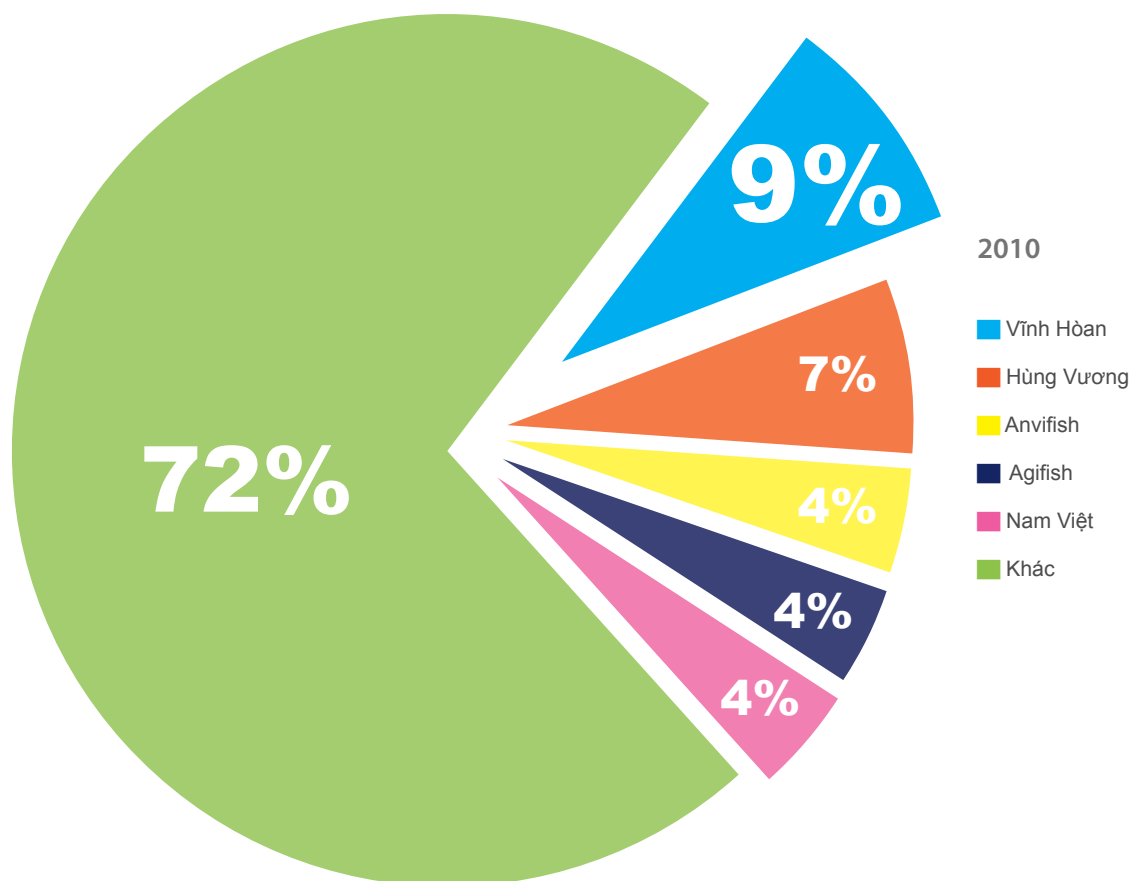


Các thành tựu nổi bật

Vĩnh Hoàn – Công ty hàng đầu trong ngành cá Việt Nam

Vĩnh Hoàn dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu trong ngành cá kể từ tháng 03/2010

- Giá trị xuất khẩu của Vĩnh Hoàn tăng trưởng bền vững qua từng năm. Từ năm 2006 Vĩnh Hoàn đã vươn lên vị trí 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu Việt Nam.
- Vĩnh Hoàn tiếp tục duy trì vị trí này trong năm 2007 và 2008.
- Năm 2009, Vĩnh Hoàn vươn lên vị trí thứ 2, chiếm 8,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra cả nước.
- Kể từ tháng 03/2010, Vĩnh Hoàn trở thành doanh nghiệp đầu ngành cá của Việt Nam. Kết thúc năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu của Vĩnh Hoàn (bao gồm cả phụ phẩm và các mặt hàng khác) đạt 132 triệu USD. Theo thống kê của Vasep, tính riêng cá tra, cá basa fillet, Vĩnh Hoàn đạt 126,4 triệu USD, chiếm gần 9% tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra, cá basa cả nước.

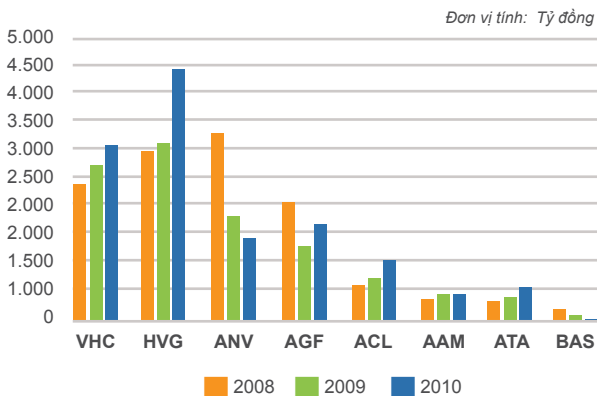


Danh sách 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu Việt Nam

Đơn vị tính: triệu USD

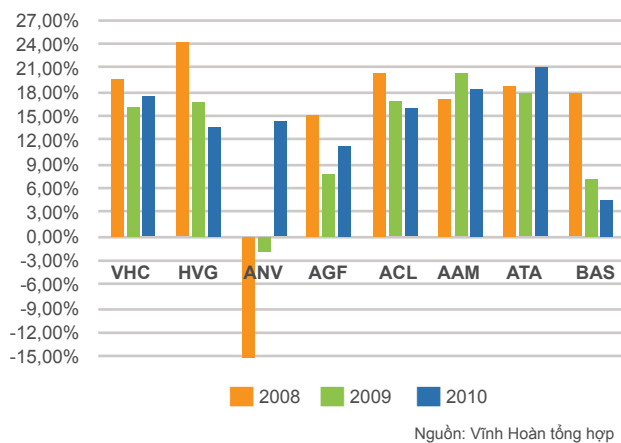
	2006		2008		2009		2010
Navico (ANV)	111,5	Navico (ANV)	187,7	Hùng Vương (HVG)	122	Vĩnh Hoàn (VHC)	126,4
Agifish (AGF)	55,4	Hùng Vương (HVG)	169,4	Vĩnh Hoàn (VHC)	115	Hùng Vương (HVG)	100,8
Vĩnh Hoàn (VHC)	53,7	Vĩnh Hoàn (VHC)	101,3	NamViệt (ANV)	85	Anvifish	61,7
Hùng Vương (HVG)	48,2	Agifish (AGF)	89,9	Anvifish	57	Agifish (AGF)	58,8
Caseamex	29,6	Thimaco	48,0	Agifish (AGF)	55	Nam Việt (ANV)	58,2
Thanh Thiên	29,2	Bianfish	47,2	Bianfish	53	CL-Fish	48,3
Thufico	25,9	Anvifish	45,0	Thimaco	43	Bianfishco	43,9
Vạn Đức	24,8	HTFood	39,3	CuuLong Seapro	39	NTSF	37,1
Q.V.DFood	22,6	Q.V.D Food	38,4	HTFood	33,9	South Vina	35,4
Docifish	21,5	CL-Fish	37,9	Caseamex	33,7	I.D.I Corp	34,9
Toàn ngành	736,8	Toàn ngành	1.450	Toàn ngành	1.340	Toàn ngành	1.427

Kim ngạch, doanh thu Vĩnh Hoàn ổn định và tăng đều qua các năm



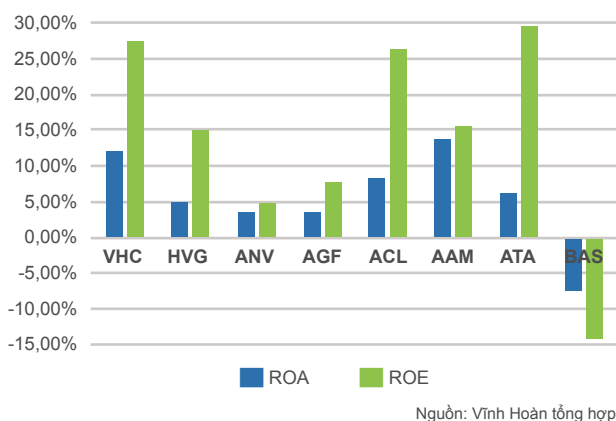
- Không chỉ tăng trưởng trong kim ngạch xuất khẩu, Vĩnh Hoàn còn đạt sự tăng trưởng cao và ổn định trong doanh thu. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân khoảng 12% mỗi năm trong giai đoạn 2008 - 2010. Trong năm 2010, doanh thu của Vĩnh Hoàn cán mốc 3.000 tỷ đồng.

Vĩnh Hoàn gia tăng biên lợi nhuận gộp – kết quả của quy trình sản xuất khép kín

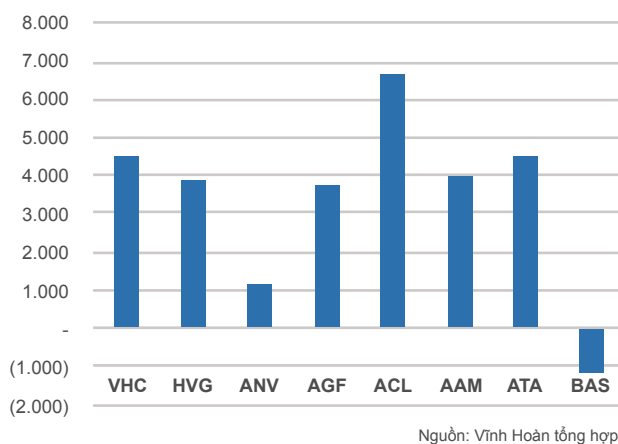


- Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp duy nhất trong ngành có sự gia tăng ổn định trong biên lợi nhuận gộp. Trong khi hầu hết các doanh nghiệp khác đều có biên lợi nhuận gộp giảm hoặc biến động trong giai đoạn 2008 – 2010.
- Biên lợi nhuận gộp của Vĩnh Hoàn tốt dần lên qua từng năm. Năm 2008, Vĩnh Hoàn có biên lợi nhuận gộp thấp nhất trong ngành, chỉ 11,8%. Năm 2010, Vĩnh Hoàn xếp thứ 3 với biên lợi nhuận gộp 19,52 %.
- Việc xây dựng và hoàn thiện quy trình khép kín đã giúp Vĩnh Hoàn quản lý chi phí giá vốn rất hiệu quả, hạn chế tác động từ biến động nguồn nguyên liệu.

Vĩnh Hoàn có mức sinh lời hấp dẫn



- Vĩnh Hoàn là một trong những doanh nghiệp có mức sinh lời cao nhất trong ngành với ROA đạt 12,82% và ROE đạt 27,12%, do Vĩnh Hoàn duy trì một tỷ lệ đòn cân nợ thấp hơn và an toàn hơn – tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu công ty là 0,47 lần cuối năm 2010.



- Vĩnh Hoàn tiếp tục duy trì mức thu nhập trên cổ phần cao. Năm 2009, Vĩnh Hoàn đạt mức EPS cao nhất với 6.427 VND. Năm 2010 công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận giữ lại vì vậy EPS năm 2009 đã được điều chỉnh giảm còn 4.613 VND. Năm 2010, mặc dù Vĩnh Hoàn tăng mạnh vốn điều lệ nhưng vẫn duy trì EPS ở mức cao 4.573 VND.



Lịch sử hoạt động

Các mốc son lịch sử

Vinh Hoàn được thành lập vào ngày 29 tháng 12 năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp, thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long. Trải qua 14 năm phát triển, Công ty cổ phần Vinh Hoàn hiện nay là công ty chế biến và xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu của Việt Nam. Thương hiệu Vinh Hoàn chính là lựa chọn ưu tiên của nhà nhập khẩu nước ngoài cho mặt hàng cá tra, basa fillet và hàng giá trị gia tăng từ cá tra và basa.

1997

- Thành lập Công ty TNHH Vinh Hoàn



1999

- Xí nghiệp chế biến thủy sản đầu tiên tại thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp đi vào hoạt động

2000

- Được cấp mật mã xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (DL.147)



2007

- Thành lập Công ty Vinh Hoàn tại California, Mỹ;
- Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ 02 đi vào hoạt động;
- Được cấp "code" xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (DL. 61) cho xí nghiệp thứ 2;
- Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vinh Hoàn;
- Thành lập Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1;
- Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;



2008

- Đưa vào hoạt động Xí nghiệp chế biến thủy sản thứ 03;
- Áp dụng tiêu chuẩn nuôi GREEN FARM cho các trại cá tra;



Để trở thành Công ty đầu ngành như hiện nay, ngay từ ngày thành lập Vinh Hoàn đã xây dựng và phát triển theo một chiến lược toàn diện và bền vững. Do vậy, chất lượng sản phẩm và hệ thống truy xuất được xem là giá trị cốt lõi mà công ty luôn xây dựng, củng cố và hoàn thiện không ngừng để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khỏe.

2003

- Có mức thuế chống phá giá 36,84% vào thị trường Mỹ. Đây là mức thuế thấp nhất trong các doanh nghiệp Việt Nam



2004

- Mức thuế chống phá giá giảm xuống còn 6,81%;
- Xây dựng kho lạnh với sức chứa 800 MTS;

2005

- Nâng cấp nhà máy với hệ thống băng tải tự động;
- Nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9001:2000; ISO 14001:2004; BRC: 2005 và IFS version 4;



2009

- Đạt giải thưởng SAO VÀNG ĐẤT VIỆT năm 2009;
- Nhận chứng chỉ Aquagap về nuôi trồng của tổ chức IMO – Thụy Sĩ;
- Phòng kiểm nghiệm của Công ty đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:2005;
- Là công ty Việt Nam và công ty Châu Á đầu tiên đạt giải thưởng Dinh Dưỡng và Sức Khỏe tại cuộc thi Seafood Prix d'Elite (Hội Chợ Thủy Sản Châu Âu);
- Được Thủ Tướng Chính phủ tặng bằng khen về thành tích xuất sắc, đạt giải thưởng tại hội chợ thủy sản Châu Âu, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội và Bảo Vệ Tổ Quốc;

2010

Những sự kiện quan trọng trong năm 2010

01/2010 Đạt giải thưởng SAO VÀNG ĐẤT VIỆT năm 2010 và giải thưởng doanh nghiệp chất lượng vàng thủy sản Việt Nam.

03/2010 Đạt mức **thuế chống bán phá giá 0%** vào thị trường Mỹ theo kết quả điều tra hành chính năm thứ 5 của Bộ Thương mại Mỹ.

04/2010 Vinh Hoàn là doanh nghiệp thủy sản đầu tiên của Việt Nam được cấp Chứng nhận cơ sở chế biến thủy sản theo Chương trình kiểm soát của Bộ Thương mại Mỹ (USDC).

06/2010 Nhận chứng chỉ GLOBAL GAP về nuôi trồng cá tra; Được xếp vào danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

09/2010 Nhận giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín. Nhận chứng chỉ ISO 22000 cho hệ thống quản lý chất lượng.

11/2010 Ra mắt dự án sản xuất thực nghiệm đầu Bio Diesel từ mỡ cá tra. Nhận giải thưởng Best Fish Farming Award.

Quá trình tăng vốn Cổ phần

Đơn vị tính: VND

Thời điểm	Hình thức phát hành	Mục đích	Vốn tăng thêm	Vốn sau khi tăng thêm	Thặng dư vốn cổ phần	Ngày niêm yết có hiệu lực	Ngày chính thức giao dịch
2009 -2010	Phát hành cho cổ đông chiến lược	Tái cơ cấu vốn	53,28 tỷ	353,28 tỷ	191,80 tỷ	09/3/2010	15/3/2010
2010	Cổ phiếu ESOP 2008-2009 và cổ phiếu tài trợ chương trình xây nhà ở cho CB-CNV	Khuyến khích nhân tài và hỗ trợ người lao động	9,42 tỷ	362,7 tỷ	-	22/12/2010	28/12/2010
2010	Trả cổ tức năm 2010 tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu	Nâng cao năng lực tài chính	108,81 tỷ	471,51 tỷ	-	22/12/2010	28/12/2010

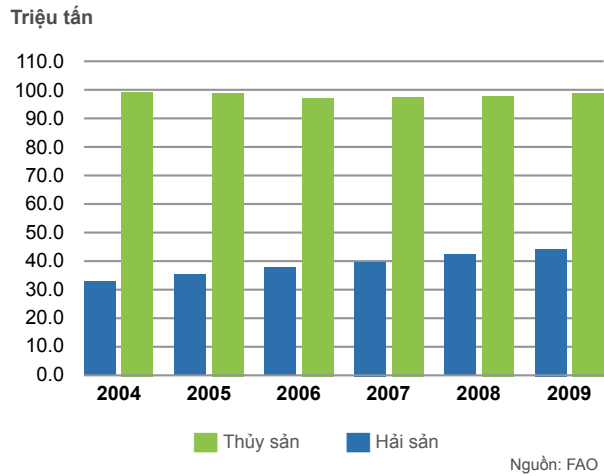


Triển vọng ngành

Ngành thủy hải sản thế giới

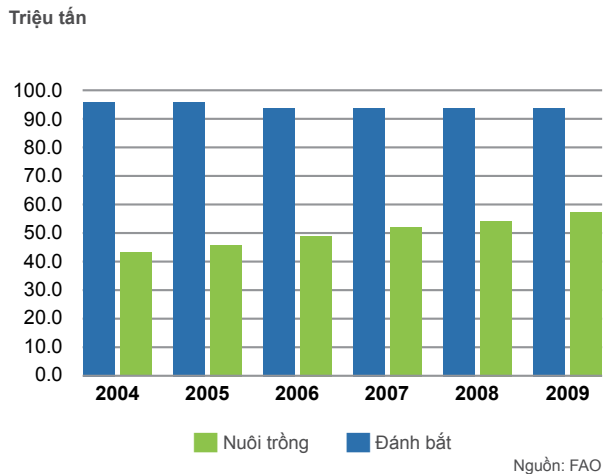
Sản lượng thủy sản và hải sản

- Tình hình nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản trên thế giới trong giai đoạn 2004 - 2009 gần như không có sự biến động và phát triển khá ổn định, tăng từ 134,3 triệu tấn năm 2004 lên 145,1 triệu tấn vào năm 2009 tương ứng với mức tăng bình quân 1,56%/năm. Tuy nhiên sự gia tăng sản lượng này chỉ đến từ thủy sản khi tăng từ 33,8 triệu tấn vào năm 2004 lên đến 45,1 triệu tấn vào năm 2009. Sản lượng hải sản trong giai đoạn này chỉ duy trì ở mức 100 triệu tấn/năm, năm 2006 thậm chí còn giảm xuống 98,6 triệu tấn.



Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng

- Cơ cấu sản lượng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng sản lượng nuôi trồng và duy trì ổn định nguồn khai thác tự nhiên. Sản lượng nuôi trồng tăng đều qua các năm, từ mức 41,9 triệu tấn năm 2004 lên 55,1 triệu tấn năm 2009, tương ứng với mức tăng bình quân là 5,6%/năm. Có thể nhận thấy xu hướng này là tất yếu bởi nguồn thủy hải sản từ đánh bắt ngày càng cạn kiệt, trong khi đó sự cải tiến về kỹ thuật đã gia tăng năng suất nuôi trồng. Theo báo cáo gần nhất của FAO, Châu Á vẫn là khu vực cung cấp thủy sản lớn nhất thế giới, chiếm 65,8% tổng sản lượng thủy sản. Kế đến là khu vực Châu Mỹ La-tinh và Châu Âu.
- Số liệu thống kê trong giai đoạn 2004 – 2009 cho thấy, xét về phân loại, sản lượng hải sản mặc dù luôn vượt trội so với sản lượng thủy sản nhưng lại không có sự tăng trưởng nhất định. Xét về cơ cấu nguồn cung, sản lượng từ đánh bắt cao hơn so với sản lượng từ nuôi trồng, tuy nhiên sản lượng từ đánh bắt cũng không có dấu hiệu khả quan do nguồn cung khai thác tự nhiên ngày càng cạn kiệt. Từ đó cho thấy ngành thủy hải sản trên thế giới hiện nay đang chuyển dịch theo xu hướng từ hải sản sang thủy sản và từ đánh bắt sang nuôi trồng. Nói một cách khác, thủy sản nuôi trồng đang bắt đầu thể hiện vai trò và có những bước phát triển vững chắc nhờ sự cải tiến về khoa học kỹ thuật.



- Về tiêu thụ, thực phẩm được chế biến từ thủy sản ngày càng xuất hiện nhiều trong bữa ăn của các quốc gia trên thế giới. Tỷ lệ thủy sản được sử dụng làm thực phẩm tiêu dùng trong tổng sản lượng ngày càng tăng, từ 77,7% trong năm 2004 lên 81,2% trong năm 2009. Do vậy, mặc dù dân số thế giới ngày càng tăng nhưng tiêu thụ thủy sản bình quân trên người vẫn tăng đều trong giai đoạn 2004 – 2009, từ 16,2 kg lên 17,2 kg.

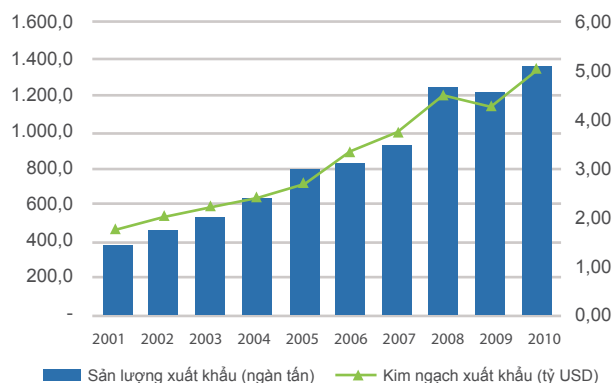
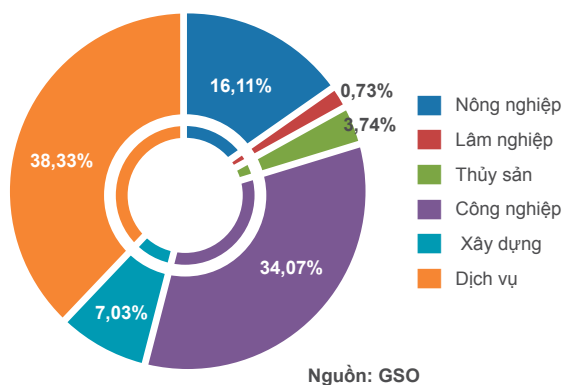
(Triệu tấn)	2004	2005	2006	2007	2008	2009
TỔNG CỘNG ĐÁNH BẮT	92,4	92,1	89,8	89,9	89,7	90,0
TỔNG CỘNG NUÔI TRỒNG	41,9	44,3	47,3	49,9	52,6	55,1
TỔNG CỘNG SẢN LƯỢNG	134,3	136,4	137,1	139,8	142,3	145,1
% tăng trưởng	-	1,56	0,51	1,97	1,79	1,97
Làm thực phẩm tiêu dùng	104,4	107,3	110,7	112,7	115,1	117,8
% tiêu dùng/sản lượng	77,7	78,7	80,7	80,6	80,9	81,2
% tăng trưởng tiêu dùng	-	2,8	3,2	1,8	2,1	2,3
Dân số thế giới (tỷ người)	6,4	6,5	6,6	6,7	6,8	6,8
Tiêu dùng/người (kg)	16,2	16,5	16,8	16,9	17,1	17,2

Nguồn: FAO

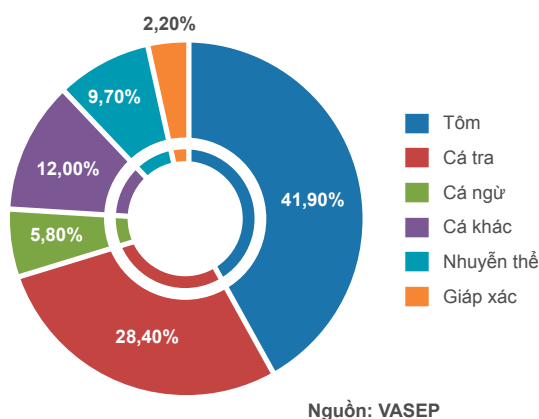
Ngành thủy sản Việt Nam

- Việt Nam được xem là một trong những quốc gia có tăng trưởng về xuất khẩu thủy sản nhanh nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2001 – 2010 đạt 15%/năm. Theo FAO, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 5 trong danh sách các nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới và đứng thứ 3 về sản lượng nuôi trồng thủy sản, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Ngành thủy sản Việt Nam chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nuôi trồng, đây cũng là xu hướng phát triển của ngành thủy sản trên thế giới.
- Từ lâu thủy sản là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đóng góp từ 3,5% - 4% GDP của nền kinh tế. Năm 2010, thủy sản tiếp tục giữ vững vị thế là một ngành kinh tế quan trọng của đất nước khi chiếm 3,74% trong cơ cấu GDP.
- Ngoại trừ việc giảm nhẹ cả về sản lượng và kim ngạch xuất khẩu trong năm 2009 do hậu quả của suy thoái kinh tế toàn cầu, ngành thủy sản đã có những bước tăng trưởng ấn tượng trong giai đoạn 2001 – 2010. Ấn tượng nhất là năm 2010, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn thử thách nhưng ngành thủy sản đã đánh dấu một năm thắng lợi với kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt mốc 5 tỷ USD, tăng 18,4% so với năm 2009.

Cơ cấu GDP 2010

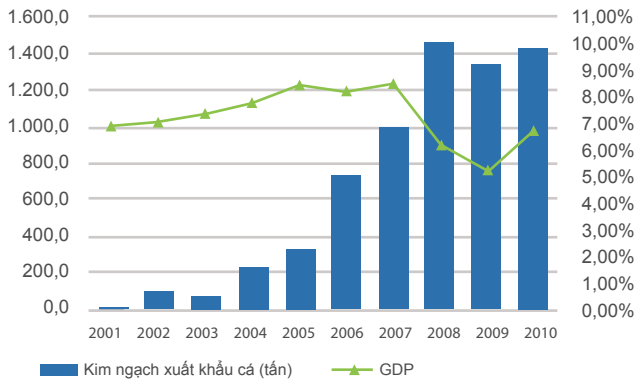


Sản phẩm xuất khẩu chủ lực



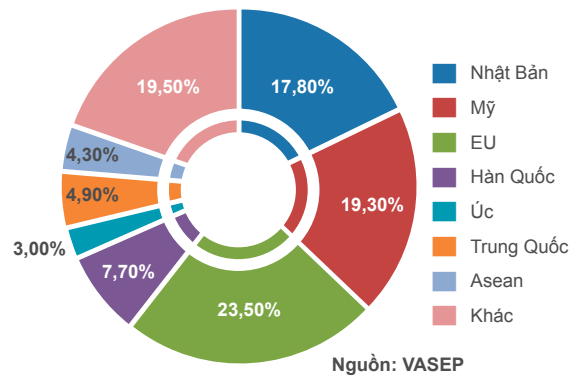
- Cá tra, basa và tôm là các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của ngành thủy sản Việt Nam trong thời gian qua khi luôn chiếm 65% - 70% sản lượng và kim ngạch xuất khẩu toàn ngành. Hai ngành hàng tôm và cá có sự bổ sung cho nhau để ngành thủy sản Việt Nam luôn đạt kim ngạch xuất khẩu cao trong sự biến động của tình hình kinh tế hiện nay. Khi nền kinh tế phát triển thuận lợi, sản phẩm tôm có giá trị cao sẽ được tiêu thụ nhiều hơn. Trong khi đó, ngành hàng cá luôn giữ vai trò quan trọng bất kể tình hình kinh tế bởi ưu thế về giá cả và chất lượng sản phẩm.

Kim ngạch xuất khẩu cá tra, basa và tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: VASEP, Vĩnh Hoàn tổng hợp

Thị trường xuất khẩu



Nguồn: VASEP

- Xét riêng về ngành cá, kim ngạch xuất khẩu đều tăng mạnh trong giai đoạn 2001 - 2010. Trong năm 2009, do hậu quả của suy thoái kinh tế thế giới, ngành thủy sản nói chung và ngành cá nói riêng đã sụt giảm nhưng vẫn duy trì kim ngạch xuất khẩu ở mức cao. Sau sự sụt giảm năm 2009, ngành cá đã có sự phục hồi trở lại trong năm 2010 với kim ngạch xuất khẩu vượt 1,4 tỷ USD.
- Năm 2010, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 1,35 triệu tấn thủy sản sang 163 thị trường trên thế giới, đạt giá trị hơn 5 tỷ USD, tăng 11,3% về khối lượng và 18,4% về giá trị so với năm 2009. Trong đó, EU, Mỹ và Nhật là các thị trường chủ yếu của thủy sản Việt Nam, chiếm tổng cộng khoảng 60,5% kim ngạch xuất khẩu. Ba thị trường này cũng được xem là thị trường tiêu thụ khó tính nhất bởi những quy định khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm, mức độ cạnh tranh cũng như các rào cản thương mại.

Khó khăn thử thách cho thủy sản Việt Nam

- Rào cản thương mại và phi thương mại của các thị trường xuất khẩu như xu hướng bảo hộ thương mại, hàng rào kỹ thuật, kiểm dịch chặt chẽ và thường xuyên ban hành các tiêu chuẩn mới khắt khe hơn vẫn là khó khăn lớn nhất mà ngành thủy sản luôn phải đối mặt. Thị trường EU trở nên khó khăn hơn cho xuất khẩu thủy sản bởi quy định truy xuất nguồn gốc thủy sản (IUU) nhằm chống đánh bắt thủy sản trái phép. Tại thị trường Mỹ, vấn đề về thuế chống bán phá giá đối với thủy sản Việt Nam cũng đang tạo nhiều áp lực lên doanh nghiệp. Mặc dù vậy, ngành thủy sản Việt Nam đã hiểu rõ và có những bước chuẩn bị tốt trước những rào cản có phần mang tính chính trị này. Sự tăng trưởng vượt bậc hiện nay là kết quả xứng đáng cho những nỗ lực của ngành thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.
- Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đang phải đứng trước khó khăn thiếu hụt nguồn nguyên liệu trong nước để sản xuất. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp như Vĩnh Hoàn đã có sự chuẩn bị khi tự tổ chức nuôi trồng hoặc kết hợp chia sẻ quyền lợi với người nuôi để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất.
- Tốc độ tăng trưởng ấn tượng của ngành thủy sản Việt Nam đã gây sự chú ý của các đối thủ trên trường quốc tế dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt. Trong khi đó, mức độ cạnh tranh trong nước cũng tạo áp lực không kém. Điều này thể hiện ở số lượng các doanh nghiệp tham gia ngành ngày càng tăng. Hiện có khoảng 1000 xí nghiệp tham gia xuất khẩu thủy sản tại Việt Nam, nhưng giá trị xuất khẩu có sự phân tán cao, chỉ khoảng 100 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu hơn 10 triệu USD. Nổi trội nhất là ba thương hiệu Minh Phú, Vĩnh Hoàn và Hùng Vương với kim ngạch xuất khẩu năm 2010 lần lượt là 257,3 triệu USD, 132 triệu USD và 101,4 triệu USD, chiếm tổng cộng 9,6% kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Nhận định chung

- Qua các con số thống kê về ngành thủy sản trên thế giới cũng như tại Việt Nam, có thể nhận thấy ngành thủy sản là một trong những ngành kinh tế có sự tăng trưởng tốt kể cả khi nền kinh tế toàn cầu trải qua khủng hoảng. Trong đó thủy sản Việt Nam là một trong những điểm sáng trên bản đồ thủy sản thế giới với tốc độ phát triển ấn tượng.
- Ngành thủy sản Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn sắp tới để vươn lên vị trí thứ 02 trong danh sách các nước xuất khẩu thủy sản trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc. Mặt hàng thủy sản Việt Nam là có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường thủy sản quốc tế bởi chất lượng và giá cả. Đó là lý do tại sao thủy sản Việt Nam luôn gặp phải các rào cản bảo hộ tại thị trường các nước xuất khẩu nhằm bảo hộ các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Đối với ngành thủy sản, chất lượng và giá cả là hai điều kiện tiên quyết tạo nên sự khác biệt. Ngành hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam đều hội đủ các yếu tố của sự khác biệt, trong đó sản phẩm cá tra là không thể thay thế và Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tuyệt đối loại sản phẩm này với chất lượng cao và giá cả hợp lý.
- Ngành thủy sản Việt Nam xác định 3 sản phẩm xuất khẩu chủ lực là cá tra/basa, tôm và nhuyễn thể, trong đó, hai ngành hàng phải có thương hiệu là cá tra/basa và tôm. Đặc biệt là ngành hàng cá tra, basa được xem là thế mạnh của Việt Nam với tiềm năng rất lớn mà không có quốc gia nào có thể cạnh tranh được. Mọi khó khăn chỉ là tạm thời và có thể giải quyết được bằng các chính sách và định hướng đúng đắn, ngành cá nói riêng và ngành thủy sản Việt Nam nói chung đang hướng đến những thành tựu mới trên chặng đường phát triển mới, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.



Tiềm Năng Vĩnh Hoàn

Phân tích SWOT

ĐIỂM MẠNH	CƠ HỘI	ĐIỂM YẾU	THÁCH THỨC
<ol style="list-style-type: none"> Ban quản trị tâm huyết với công ty, có bề dày kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược. Định hướng chiến lược phát triển bền vững và rõ ràng. Thương hiệu sản phẩm Vĩnh Hoàn uy tín trên trường quốc tế. Quy trình sản xuất hiện đại và khép kín từ khâu thức ăn đến sản phẩm đầu ra, đạt tiêu chuẩn quốc tế cao nhất. Diện tích nuôi trồng lớn, khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu trên 70% công suất chế biến. 	<ol style="list-style-type: none"> Ngành thủy sản Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, dự kiến tiếp tục tăng trưởng 12% - 15% mỗi năm. Tiêu dùng thủy sản ngày càng tăng, thị trường xuất khẩu rộng mở, thị trường nội địa vẫn còn bỏ ngỏ. Cơ chế, chính sách thuận lợi cho ngành thủy sản. Vĩnh Hoàn theo đuổi chính sách phát triển bền vững phù hợp với xu hướng thế giới nên có khả năng tiếp cận thị trường mới và dễ dàng vượt qua các rào cản kỹ thuật, tạo lợi thế cạnh tranh so với đối thủ. Vĩnh Hoàn có khả năng khai thác giá trị gia tăng từ phụ phẩm hứa hẹn nhiều hướng phát triển mới cho công ty. 	<ol style="list-style-type: none"> Giá sản phẩm xuất khẩu vẫn còn bị cạnh tranh. Lực lượng lao động sản xuất bị cạnh tranh từ trong ngành cũng như ngoài ngành. Thị trường xuất khẩu 70% là Mỹ và EU nên biến động từ các thị trường này có khả năng tác động đến hoạt động công ty trong ngắn hạn mặc dù dài hạn công ty sẽ có thể cân bằng lại thị trường và không có khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, công ty đã có nền tảng về nuôi trồng chế biến xanh và sạch với sự quản lý chất lượng nghiêm ngặt giúp giảm thiểu mọi nguy về rào cản kỹ thuật. 	<ol style="list-style-type: none"> Rào cản thương mại tại các thị trường xuất khẩu. Biến động về nguyên liệu và chi phí sản xuất. Cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Định hướng phát triển

- Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp tiên phong trong ngành về xây dựng mô hình sản xuất bền vững. Đây là chiến lược phát triển của Vĩnh Hoàn ngay từ những ngày đầu thành lập. Với chiến lược phát triển bền vững và được quản lý bởi đội ngũ lãnh đạo kinh nghiệm, có tầm nhìn và tâm huyết với công ty, Vĩnh Hoàn từ một xí nghiệp nhỏ đã vươn lên vị trí dẫn đầu trong ngành cá.
- Giai đoạn sắp tới, Vĩnh Hoàn tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất khép kín nhằm quản lý chi phí sản xuất và chất lượng sản phẩm ở mức cao nhất đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Hiện nay Vĩnh Hoàn đang sở hữu vùng nuôi diện tích 90ha được cấp chứng nhận Global GAP lớn nhất cả nước. Vĩnh Hoàn đặt mục tiêu tăng lượng nguyên liệu tự nuôi trồng đáp ứng 80% công suất chế biến vào năm 2012, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào sự biến động của nguồn nguyên liệu bên ngoài, kiểm soát chất lượng nguyên liệu ở mức tốt nhất và chủ động trong sản xuất. Nhận thấy xu hướng của thế giới ngày càng quan tâm và ủng hộ ngành nuôi trồng thủy sản định hướng bền vững, Vĩnh Hoàn không ngừng cải thiện hệ thống quản lý ao trại, tích cực tham gia vào các dự án áp dụng các kỹ thuật mới nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên. Trại giống của công ty ra đời trong năm 2010 là một bước nối dài của chuỗi khép kín, giải quyết vấn đề gốc rễ của chất lượng nuôi trồng. Nhà máy thức ăn Vĩnh Hoàn 1 sẽ tiếp tục phát triển với hai định hướng chính, không ngừng nghiên cứu các công thức tối ưu về dinh dưỡng và hệ số chuyển hóa cho cá, cắt giảm chi phí đặc biệt là chi phí bao bì với kế hoạch tự sản xuất bao PP song song với việc giảm lượng bao PP sử dụng. Với việc trại giống đi vào hoạt động đầy đủ công suất trong năm 2011 và các bước hoàn thiện tiếp theo của nhà máy thức ăn và trại nuôi, Vĩnh Hoàn hướng đến sự hoàn thiện về cả chất lượng và số lượng nuôi trồng giúp gia tăng hiệu quả kinh tế, tạo niềm tin cho người tiêu dùng và góp phần vào quá trình phát triển chung của toàn ngành.
- Bên cạnh đó, Vĩnh Hoàn định hướng chiến lược tối ưu hóa chuỗi giá trị sản phẩm. Vĩnh Hoàn sử dụng phụ phẩm từ cá tra, cụ thể là da cá để sản xuất ra collagen. Collagen được sử dụng làm thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, dược phẩm và mỹ phẩm. Đây là một loại sản phẩm cao cấp có khả năng giúp Vĩnh Hoàn gia tăng 25% lợi nhuận trong tương lai. Hiện nay dự án này đã hoàn tất giai đoạn 1, sản xuất thành công mẫu collagen ở quy mô phòng thí nghiệm và đang trong giai đoạn thiết kế và hoàn chỉnh dây chuyền công nghệ. Dự kiến nhà máy sản xuất Collagen sẽ được khởi công xây dựng vào đầu năm 2012. Tiếp theo sau dự án Collagen, thuộc định hướng chiến lược này sẽ là dự án sản xuất đạm thủy phân từ phụ phẩm cá. Đạm thủy phân là một dạng đạm cao cấp với thành phần "protein" rất cao và tỷ lệ hấp thu cao. Đây là một sản phẩm tiềm năng với nhu cầu ngày càng cao trên thế giới do sự khan hiếm về nguồn đạm cho ngành chăn nuôi.
- Ngoài ra với chính sách đa dạng hóa sản phẩm, trong năm 2010 Vĩnh Hoàn đã thả đợt giống cá chêm đầu tiên tại vùng nuôi Bến Tre với diện tích nuôi ban đầu là 68 hecta. Đây là loại cá có giá trị kinh tế cao và ít cạnh tranh. Với dự án cá chêm, lợi nhuận của Vĩnh Hoàn dự kiến sẽ gia tăng 10% đến 15%.
- Năm 2011, cũng đánh dấu năm công ty tham gia ngành hàng gạo bằng việc xây dựng nhà máy lau bóng gạo, một phần tiến xa hơn trong quá trình tối ưu chuỗi giá trị bằng việc cung cấp cám phát sinh từ khâu lau bóng gạo cho nhà máy thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Và định hướng phát triển ngành gạo, tận dụng lợi thế địa phương của tỉnh Đồng Tháp sẽ là một bước phát triển mới của công ty trong giai đoạn 2011-2015 bên cạnh ngành hàng cốt lõi là cá tra.



Tổ chức và Quản trị rủi ro

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản với mức độ rủi ro cao, do vậy trong công tác xây dựng chiến lược, Vinh Hoàn không chỉ đơn thuần đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ mà còn nêu ra cụ thể các yếu tố rủi ro, tác động của các loại rủi ro đến hoạt động của công ty cũng như đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả.

Các loại rủi ro	Tác động đến hoạt động của Vinh Hoàn	Tổ chức và quản trị rủi ro
Rủi ro về pháp lý	Luật và các văn bản dưới luật vẫn chưa có sự ổn định và chặt chẽ. Các chính sách phát triển ngành thủy sản chưa đồng bộ và chưa phù hợp với tình hình thực tế, tiềm ẩn những rủi ro dẫn đến tranh chấp, kiện tụng, ảnh hưởng đến thương hiệu và uy tín của Công ty.	Vinh Hoàn sử dụng sự tư vấn của các nhà chuyên môn, luật sư trong các hoạt động của mình ở từng lĩnh vực và từng thị trường.
Rủi ro về kinh tế	Nền kinh tế Việt Nam và thế giới hiện nay luôn có những biến động, vấn đề lạm phát và tăng trưởng đang là mối lo ngại của Việt Nam hiện nay, một khi lạm phát và tăng trưởng không như kỳ vọng sẽ gây áp lực lên hoạt động kinh doanh của Công ty.	Luôn cải tiến quy trình sản xuất, một mặt làm tăng chất lượng sản phẩm, mặt khác kiểm soát và tiết kiệm chi phí với mục tiêu gia tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm. Phòng kế toán có trách nhiệm kiểm soát tất cả các loại chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí tài chính nhằm giảm sự tác động của loại rủi ro hệ thống này đến mức thấp nhất.
Rủi ro về nhân sự cao cấp	Rủi ro có thể xảy ra khi có sự thay đổi về nhân sự quản lý, hoạt động của công ty sẽ có sự xáo trộn. Mất nhiều thời gian để nhân sự mới hòa nhập vào văn hóa công ty và làm chậm nhịp phát triển của công ty.	Xây dựng chính sách nhân sự tốt, hấp dẫn nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Định hướng và phát triển nhân viên qua các chính sách đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa. Thực hiện chương trình ESOP nhằm gắn liền quyền lợi của công ty và nhân viên.
Rủi ro về nguyên liệu và chất lượng sản phẩm	Nguồn nguyên liệu thủy sản phục vụ sản xuất luôn có sự biến động. Chất lượng sản phẩm là một trong những yếu tố tạo nên thành công của Vinh Hoàn, ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả và cả chiến lược phát triển của Công ty.	Xây dựng quy trình sản xuất khép kín từ khâu giống, nuôi trồng, thức ăn đến chế biến nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra. Tiếp tục phát triển vùng nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu cầu sản xuất chế biến. Hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu bên ngoài nhằm giảm tác động của sự biến động giá cả và chất lượng nguồn nguyên liệu. Hoàn thiện các quy trình sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng cao nhất từ khâu con giống đến thành phẩm.
Rủi ro từ rào cản thương mại	Những quy định, chính sách về chất lượng, tại các nước nhập khẩu. Rào cản thương mại gây áp lực lên toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty.	Luôn đạt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu, Vinh Hoàn tự tin chất lượng sản phẩm của Vinh Hoàn đáp ứng cả những tiêu chuẩn khắt khe nhất của các thị trường xuất khẩu. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và hệ thống sổ sách kế toán minh bạch theo chuẩn mực, thỏa các điều kiện của thị trường xuất khẩu. Kiên trì đấu tranh về pháp lý và tích cực trong truyền thông để trong dài hạn bảo đảm giữ ổn định thị trường và bảo vệ hình ảnh của công ty và của ngành.



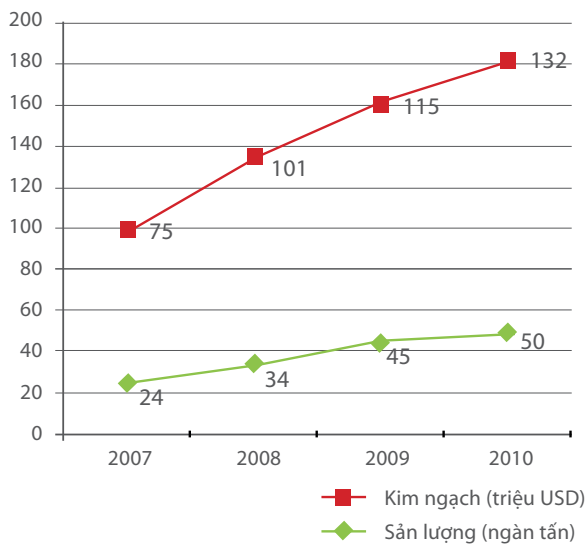


Báo cáo Hội Đồng Quản Trị

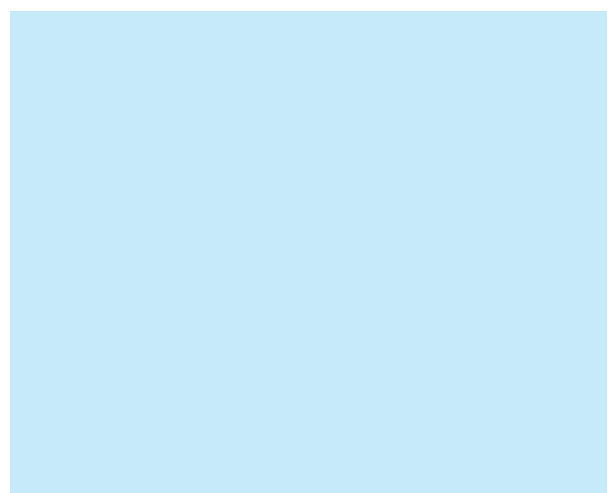
Đánh giá kết quả thực hiện

- Năm 2010 là một năm có khá nhiều sự kiện đối với ngành cá tra, cá basa Việt Nam. Giá trị xuất khẩu cá tra, basa năm 2010 đạt 1,427 tỷ USD, tăng nhẹ 5,2% so với con số 1,34 tỷ của năm 2009. Mặc dù không đạt mức 1,5 tỷ USD như kế hoạch, nhưng kết quả này là rất đáng ghi nhận trong bối cảnh toàn ngành đã nỗ lực chống đỡ nhiều sự tấn công từ bên ngoài như thuế chống phá giá ở Mỹ, chiến dịch truyền thông bôi xấu cá tra ở Châu Âu và Mỹ, việc WWF đưa cá tra vào danh sách đỏ và các khó khăn bên trong về lãi vay ngân hàng, biến động tỷ giá, nguồn cung nguyên liệu bị sụt giảm.
- Năm 2010, Vinh Hoàn tiếp tục tăng trưởng ổn định. Doanh thu tăng 8,60% và lợi nhuận sau thuế tăng 10,77% so với năm 2009. Thành quả này rất đáng tự hào và chứng minh Vinh Hoàn là một công ty có nền tảng tốt và chiến lược kinh doanh đúng đắn, một thương hiệu đáng tin cậy.

Công ty duy trì tăng trưởng xuất khẩu ổn định qua các năm



- Năm 2010 cũng đánh dấu sự vươn lên của Vinh Hoàn với vị trí dẫn đầu trong các doanh nghiệp chế biến cá tra, cá basa và đứng vị trí thứ hai trong toàn ngành thủy sản. Vinh Hoàn đã xây dựng được một thương hiệu trên thị trường thế giới là một nhà cung cấp uy tín về chất lượng sản phẩm và khả năng truy xuất, kiểm soát nguyên liệu, chu đáo trong dịch vụ bán hàng.
- Trong năm Vinh Hoàn đã khởi động và thực hiện một số dự án mới phát triển chiều sâu và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa chuỗi giá trị sản phẩm.





Về nuôi trồng

Vinh Hoàn thực hiện hàng loạt các bước hoàn thiện chất lượng khâu nuôi cá. Công ty liên tục ứng dụng các cải tiến trong quản lý trại nuôi, thực hành sản xuất tốt. Tháng 6/2010 Vinh Hoàn nhận chứng chỉ GlobalGap cho hai vùng nuôi Tân Thuận Tây và Tân Hòa. Tháng 9/2010 công ty nhận chứng chỉ GlobalGap thêm cho ba vùng nuôi Tân Thuận Đông, Mỹ Xương và Tân Thạnh. Công ty cũng đã thả nuôi cá chẽm và thi công, hoàn tất trại giống cá tra tại Bến Tre.

Về thức ăn

Nhà máy Vinh Hoàn 1 không ngừng cải tiến chất lượng thức ăn cá tra nhằm mục tiêu tăng chất lượng cá thịt. Cá được nuôi từ thức ăn của nhà máy thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 có cơ thịt trắng, săn chắc và nhất là hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) giảm đáng kể. Đây là một trong những định hướng nuôi bền vững nhằm giảm tác động đến môi trường và tăng hiệu quả kinh tế.

Về dự án Collagen

Dự án Collagen được xúc tiến ở khâu thiết kế quy trình công nghệ và lựa chọn thiết bị.

Hoạt động trong ngành cá tra, cá basa, một ngành mà Việt Nam có lợi thế so sánh tuyệt đối và có sự tăng trưởng đều đặn, đóng góp đáng kể vào cán cân thanh toán của đất nước, toàn bộ ban điều hành cũng như nhân viên Vinh Hoàn luôn tự hào đã và đang góp phần mang quà tặng của dòng sông Mê Kông đến nhiều nước trên thế giới. Mặc dù khó khăn vẫn tồn tại, Vinh Hoàn luôn tin tưởng vào sự phát triển bền vững của công ty dựa trên năng lực và mục tiêu cốt lõi, đó chính là phát triển trên nền tảng chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và duy trì cam kết này trong xuyên suốt chuỗi giá trị sản phẩm từ con giống, thức ăn, nuôi trồng đến chế biến. Sự phát triển bền vững của công ty đã được chứng minh cụ thể nhất bằng kết quả kinh doanh qua từng năm, đặc biệt là năm 2010 với mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty về doanh thu và lợi nhuận.

- Kim ngạch xuất khẩu: 132 triệu USD, tăng 15% so với năm 2009.
- Doanh thu hợp nhất: 3.009 tỷ đồng, tăng 8,6 % so với năm 2009.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ : 214 tỷ đồng, tăng 10,77 % so với năm 2009.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

	2008	2009	2010	Kế hoạch 2010	% thực hiện năm 2010 so với kế hoạch
Doanh thu thuần	2.442	2.771	3.009		
Tăng trưởng so với năm trước (%)		13,47%	8,59%		
Lợi nhuận trước thuế	84	240	273		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	80	193	214	180	119 %
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	2.668	4.613	4.573		



Những biến động lớn trong năm

Toàn bộ các hoạt động của Vinh Hoàn trong năm 2010 là một chuỗi xuyên suốt trong nỗ lực kiên trì mang đến cho người tiêu dùng trên khắp thế giới sản phẩm ngon, bổ dưỡng, an toàn và góp phần bảo vệ môi trường, nguồn lợi tự nhiên và xây dựng cộng đồng.

Chế biến thủy sản

- Tháng 6 năm 2010, xí nghiệp chế biến thủy sản số 1 được đưa vào hoạt động sau thời gian đưa vào sửa chữa lớn với tổng kinh phí đầu tư 66 tỷ đồng. Đây là một dự án thực hiện chính sách trang bị hiện đại cho nhà xưởng với các thiết bị và cơ sở vật chất tốt nhất để sản phẩm được chế biến trong điều kiện tối ưu.
- Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2 cũng được lên kế hoạch chuyển đổi thành xí nghiệp chế biến hàng giá trị gia tăng trong đầu năm 2011 nhằm đáp ứng các đơn hàng giá trị gia tăng ngày càng nhiều, phục vụ mục tiêu gia tăng giá trị và đa dạng hóa sản phẩm theo chiều sâu.
- Nhà máy duy trì việc quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001, ISO 14001, ISO 17025, BRC và IFS Version 5. Tháng 9 năm 2010, công ty cũng nhận được chứng chỉ ISO 22000 do đơn vị đánh giá BERAU VERITAS cấp đánh dấu một bước hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

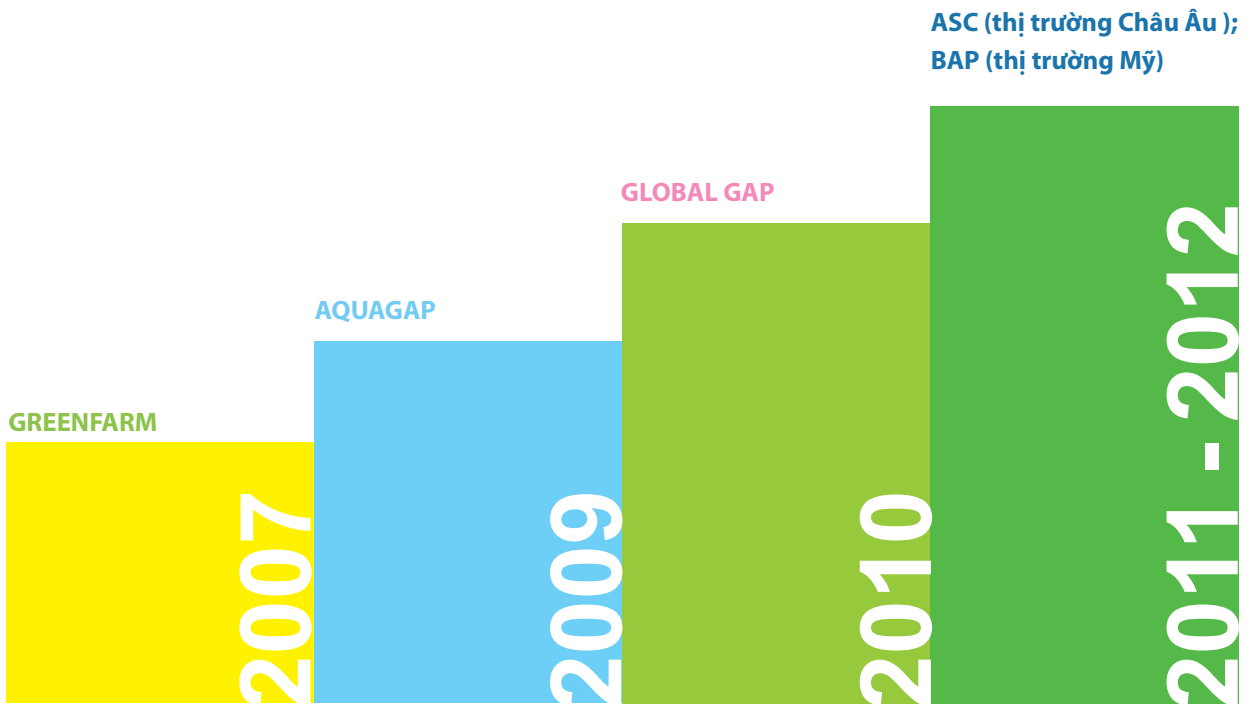
Nuôi trồng thủy sản

- Nuôi trồng thủy sản với hai mục tiêu: quản lý chất lượng và tự chủ nguyên liệu là chiến lược công ty theo đuổi nhiều năm liền.
- Với ý thức gìn giữ môi trường và bảo vệ nguồn lợi mà dòng sông Mekong mang đến, Vinh Hoàn là đơn vị tiên



phong thực hành nuôi cá tra theo tiêu chuẩn thực hành nuôi tốt. Từ năm 2007, khi chưa có tiêu chuẩn quốc tế nào về nuôi cá tra, Vinh Hoàn đã xây dựng và thực hiện tiêu chuẩn "Green Farm" theo các nguyên tắc chính về cộng đồng, môi trường, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Năm 2009, công ty cũng là đơn vị đầu tiên lấy chứng chỉ AQUAGAP. Trong năm 2010, Vinh Hoàn lần lượt lấy chứng chỉ GlobalGap cho 5 vùng nuôi và hiện tại Vinh Hoàn là đơn vị có vùng nuôi đạt chứng chỉ GlobalGap lớn nhất Việt Nam. Công ty hướng đến lấy chứng chỉ ASC (Aquaculture Stewardship Council) và chứng chỉ BAP (Best Aquaculture Practice) trong năm 2011-2012.

- Quý 4 năm 2010 là năm mà Vinh Hoàn gặt hái thành quả của chiến lược xây dựng hệ thống nuôi trồng thủy sản. Dự đoán được nguyên liệu thiếu hụt vào quý 4, Vinh Hoàn đã điều chỉnh lịch thu hoạch để cá nguyên liệu của công ty thu hoạch vào thời điểm nguyên liệu tăng giá, và mua cá bên ngoài trong thời điểm nguyên liệu giảm giá trước đó. Do đó, quý 4 năm 2010, công ty đã hưởng lợi kép từ khâu nguyên liệu, không những không bị thiếu hụt nguyên liệu cho sản xuất mà giá thành nuôi còn thấp hơn giá thị trường đóng góp đáng kể vào lợi nhuận chung.



Thức ăn thủy sản

- Tháng 1 năm 2010, nhà máy thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 đưa vào hoạt động dây chuyền chế biến thức ăn thủy sản số 2, tăng gấp hai lần công suất chế biến thức ăn với tổng kinh phí đầu tư 30 tỷ đồng. Năm 2010 là năm nhà máy thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 tập trung chú trọng



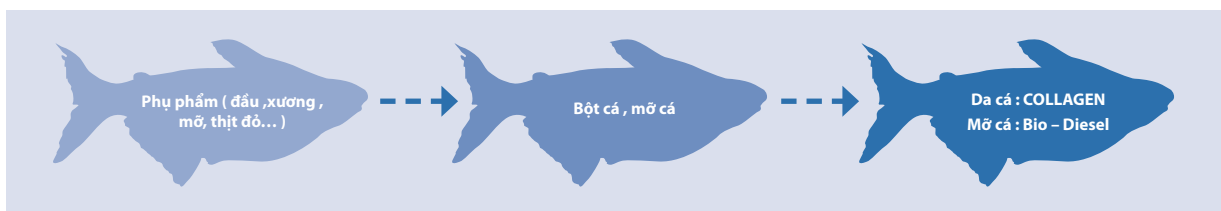
cải thiện liên tục chất lượng thức ăn thủy sản, không chạy theo lợi nhuận mà hướng tới chất lượng, giúp cá nuôi bằng thức ăn của nhà máy có cơ thịt săn chắc, màu cá trắng và hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) thấp, giúp cá hấp thu được dinh dưỡng tối đa từ thức ăn và giảm thiểu chất thải ra môi trường. Đây cũng là một định hướng lâu dài của Vĩnh Hoàn nhằm nâng cao chất lượng cá tra thành phẩm từ gốc rễ tức là từ nguyên liệu, thức ăn và con giống. Chính sách phát triển này tạo nên sự khác biệt cho các sản phẩm của Vĩnh Hoàn.

Sản phẩm và thị trường

- Năm 2010 đánh dấu năm mà sản phẩm của Vĩnh Hoàn thâm nhập thêm được nhiều chuỗi bán lẻ có uy tín ở Mỹ và Châu Âu và bắt đầu gia tăng sản lượng bán vào các hệ thống này. Sản phẩm cá tra fillet có chứng chỉ Aqua-Gap và GlobalGap cũng bắt đầu định vị được trên thị trường với sự khác biệt giá bán và chất lượng. Sản phẩm bột cá và mỡ cá cũng ngày càng được yêu thích trên thị trường quốc tế với nhu cầu tiêu thụ ổn định, đóng góp sản lượng 6.500 tấn với trị giá gần 5 triệu USD vào kim ngạch xuất khẩu chung của công ty.
- Về mặt hàng fillet, Vĩnh Hoàn tiếp tục phát triển ở các thị trường truyền thống là Hoa Kỳ và Châu Âu. Công ty còn mở được các thị trường mới như Indonesia, Bermuda, Ukraine. Công ty phát triển tốt ở các thị trường khác như Canada, Úc.



Các dự án mới



- Dự án nhà máy sản xuất collagen từ da cá đang trong giai đoạn thiết kế dây chuyền công nghệ và lựa chọn thiết bị. Dự kiến tổng vốn đầu tư cho dự án này là 12 triệu USD và nhà máy sẽ đi vào hoạt động trong năm 2013.
- Ngoài ra, với chiến lược đa dạng hóa sản phẩm trong ngành hàng chế biến thủy sản, công ty cũng đã khởi động dự án nuôi cá chêm - loại cá có giá trị kinh tế cao, sống ở môi trường nước lợ, rất được ưa chuộng tại Úc, Mỹ và Châu Âu - để hướng đến sản xuất chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ cá chêm. Tháng 10 năm 2010, công ty đã bắt đầu thả nuôi 68ha cá chêm tại Bình Đại, Bến Tre. Nhà máy thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 cũng đã sản xuất thành công thức ăn nuôi cá chêm cho dự án này. Tổng doanh thu và lợi nhuận của VHC từ năm 2011 sẽ có sự đóng góp từ dự án cá chêm. Công ty đang có kế hoạch phát triển giống để giúp gia tăng sản lượng nuôi cá chêm trong các năm tới nhằm tạo nguồn cung ổn định về con giống, tạo sự phát triển bền vững cho con cá chêm. Khi sản xuất thành công, công ty sẽ tiến hành kế hoạch phát triển cung cấp giống cá chêm và các loại giống cá biển giá trị cao khác, cũng như thức ăn nuôi cá biển cho thị trường.



Thực hiện kế hoạch của năm 2010

Công ty đã hoàn thành các dự án trọng điểm của năm 2010 theo đúng kế hoạch Đại Hội Cổ Đông 2010 đề ra:

- Đưa xí nghiệp chế biến thủy sản số 1 vào hoạt động.
- Lấy chứng chỉ Global Gap cho 5 vùng nuôi cá tra nguyên liệu.
- Tăng sản lượng nuôi trồng năm 2010 đáp ứng hơn 50% nhu cầu công ty.
- Phát triển trại cá tra giống để khép kín quy trình.
- Liên tục trong năm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới từ phụ phẩm cá tra.

Những khoản đầu tư hình thành tài sản trong năm

Trong năm tập đoàn đã thực hiện các khoản đầu tư như sau

Khoản đầu tư	Số tiền
Tài sản cho nuôi trồng	25.103.384.976
Nhà xưởng, máy móc thiết bị	76.643.188.537

Định hướng phát triển trong tương lai

- Cá tra duy trì lợi thế là loại cá ngon, thịt trắng, sản lượng ổn định và giá cả phải chăng. Lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên thế giới về con cá này là tuyệt đối. Tiềm năng phát triển của con cá này còn rất lớn trên thị trường đặc biệt là thị trường bán lẻ và cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm.
- Nhận thấy lợi thế này và tiềm năng phát triển trong tương lai, Thủ Tướng Chính Phủ đã phê duyệt đề án phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 với vốn đầu tư 1.340 tỷ đồng.
- Văn phòng chính phủ cũng đã đồng ý đưa sản phẩm cá tra vào nhóm sản phẩm chiến lược của quốc gia để có các chính sách ưu đãi phát triển bền vững và xây dựng thương hiệu trên trường quốc tế. Nền kinh tế thế giới đang hồi phục trở lại, sự hấp dẫn của ngành hàng thủy sản chắc chắn sẽ duy trì trong những năm tới và cơ hội tăng trưởng thêm nữa với những công ty có nền tảng tốt như Vinh Hoàn là rất lớn.
- Do đó chính sách phát triển của công ty cũng theo định hướng đầu tư chiều sâu cho con cá tra và mở rộng phạm vi kinh doanh ở những lĩnh vực có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau với ngành chế biến thủy sản.
- Giai đoạn 2011-2015, Vinh Hoàn tiếp tục duy trì và phát triển những lợi thế cạnh tranh của công ty thông qua một hệ thống quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm từ con giống, nuôi trồng đến khâu chế biến, phân phối và tối ưu hóa giá trị của các phụ phẩm từ cá tra, basa.
- Công ty tiếp tục xây dựng thương hiệu Vinh Hoàn phát triển bền vững với nhiều hoạt động nuôi trồng, sản xuất đảm bảo các nguyên tắc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thiên nhiên. Vinh Hoàn hướng tới một vị trí vững chắc, là sự lựa chọn đầu tiên của các hệ thống phân phối và bán lẻ lớn trên thế giới với các chính sách kiểm tra nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nhanh chóng, chính xác. Song song đó, Vinh Hoàn cũng mở rộng việc phát triển hàng giá trị gia tăng từ cá tra và phát triển thêm mặt hàng cá chêm.
- Ngoài ra, công ty cũng sẽ hướng tới việc kinh doanh đa dạng các loại sản phẩm khác nhau nhằm gia tăng lợi nhuận và tận dụng bộ máy bán hàng và thị trường sẵn có. Về mặt thị trường, công ty sẽ tập trung cân đối tỷ trọng giữa các thị trường lớn và phát triển thị phần ở phân khúc cao và nhu cầu ổn định.
- Công ty cũng sẽ quan tâm hơn đến các hoạt động quan hệ công chúng, công tác quan hệ nhà đầu tư để cập nhật thường xuyên và chuyên nghiệp thông tin của Vinh Hoàn đến đông đảo công đồng các nhà đầu tư và giúp các nhà đầu tư hiểu rõ hơn về Vinh Hoàn.

Các nhiệm vụ mà công ty sẽ tập trung nguồn lực phát triển trong giai đoạn 2011-2015 như sau :

Nhiệm vụ	Nội dung
Nuôi trồng	Tăng diện tích nuôi trồng cá tra thêm 200ha lên 340ha; Tăng diện tích giống cá tra thêm 50ha lên 70ha; Tăng diện tích nuôi cá biển thêm 200ha lên 268ha.
Chế biến thủy sản	Gia tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng và hàng có chứng nhận đối với mặt hàng cá tra, đồng thời phát triển các sản phẩm từ cá chêm nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm.
Sản xuất	Gia tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng và hàng có chứng nhận.
Tối ưu hóa giá trị phụ phẩm	Dự án Collagen; Dự án Đạm Thủy Phân
Đa dạng hóa ngành hàng	Phát triển ngành gạo trên cơ sở tiềm năng nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp. Bước đầu là xây dựng nhà máy chế biến gạo.
Nghiên cứu và phát triển	Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển chất lượng dinh dưỡng và bảo vệ môi trường nuôi trồng.
Nhân sự	Đào tạo đội ngũ kế thừa.



CÔNG TY CỔ PHẦN
VĨNH HOÀN



Báo cáo Ban Giám Đốc

- Năm 2010 là năm nối tiếp những thành công của Vinh Hoàn về lợi nhuận và tăng trưởng. Doanh thu tăng 8,6 % và lợi nhuận tăng 9,6%. Đây là những con số đáng khích lệ trong tình hình năm 2010 ngành cá tra gặp nhiều khó khăn đến từ bên ngoài. Đó là nhờ vào sự đồng lòng làm việc vì lợi ích chung của hàng ngàn lao động trong công ty và sự tin tưởng của các quý cổ đông.
- Vinh Hoàn tiếp tục thực hiện xuyên suốt chính sách phát triển bền vững, không gia tăng lợi nhuận bằng mọi giá mà chú trọng đến tăng trưởng ổn định, lâu dài với định hướng đầu tư đúng đắn và kinh doanh trên cơ sở có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.
- Từ giữa tháng 3/2010, Vinh Hoàn vươn lên dẫn đầu ngành cá tra, cá basa và đứng thứ hai trong các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam (sau Công ty Minh Phú chuyên sản xuất và xuất khẩu tôm).

Danh sách 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu Việt Nam

Đơn vị tính: triệu USD

	2006		2008		2009		2010
Navico (ANV)	111,5	Navico (ANV)	187,7	Hùng Vương (HVG)	122	Vinh Hoàn (VHC)	126,4
Agifish (AGF)	55,4	Hùng Vương (HVG)	169,4	Vinh Hoàn (VHC)	115	Hùng Vương (HVG)	100,8
Vinh Hoàn (VHC)	53,7	Vinh Hoàn (VHC)	101,3	NamViệt (ANV)	85	Anvifish	61,7
Hùng Vương (HVG)	48,2	Agifish (AGF)	89,9	Anvifish	57	Agifish (AGF)	58,8
Caseamex	29,6	Thimaco	48,0	Agifish (AGF)	55	Nam Việt (ANV)	58,2
Thanh Thiên	29,2	Bianfish	47,2	Bianfish	53	CL-Fish	48,3
Thufico	25,9	Anvifish	45,0	Thimaco	43	Bianfishco	43,9
Vạn Đức	24,8	HTFood	39,3	CuuLong Seapro	39	NTSF	37,1
Q.V.DFood	22,6	Q.V.D Food	38,4	HTFood	33,9	South Vina	35,4
Docifish	21,5	CL-Fish	37,9	Caseamex	33,7	I.D.I Corp	34,9
Toàn ngành	736,8	Toàn ngành	1.450	Toàn ngành	1.340	Toàn ngành	1.427

Nguồn: VASEP

Báo cáo tình hình tài chính

Năm 2010 là năm không thuận lợi về tài chính cho ngành cá do biến động lớn về nguyên liệu, lãi suất ngân hàng tăng cao trong khi gói hỗ trợ lãi suất của các năm trước không còn. Vĩnh Hoàn nhờ chính sách đầu tư chiều sâu vào hoạt động sản xuất thức ăn và nuôi trồng, cộng với việc dự đoán đúng biến động nguyên liệu nên đã có được lợi nhuận từ toàn bộ chuỗi giá trị. Gần 70% sản lượng nuôi của công ty được thu hoạch vào quý cuối năm khi tình hình nguyên liệu khan hiếm và giá nguyên liệu tăng cao đã giúp tối ưu hóa lợi nhuận của công ty. Về vốn, công ty có được khoản thặng dư về vốn từ đợt phát hành thêm đầu năm 2010 và nguồn lợi nhuận để lại từ các năm trước nên không bị áp lực về chi phí tài chính.

Các chỉ số tài chính

Khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận gộp của Vĩnh Hoàn không ngừng cải thiện qua các năm chứng minh công ty hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

Năm 2010, Vĩnh Hoàn đã tăng mạnh vốn chủ sở hữu và tổng tài sản thông qua đợt chào bán riêng lẻ và chia cổ tức 30% bằng cổ phiếu. Điều này làm tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản giảm so với năm 2009. Tuy nhiên, khả năng sinh lời vẫn khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành và so với trung bình ngành.

Chỉ số	VHC – 2008	VHC -2009	VHC- 2010	Trung Bình Ngành 2010
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11,83%	16,32%	19,52%	14,75%
Tỷ suất lợi nhuận / tổng tài sản	8,46%	14,15%	12,68%	5,74%
Tỷ suất lợi nhuận / vốn chủ sở hữu	20,57%	37,48%	27,12%	13,66%

Khả năng thanh toán

Vĩnh Hoàn không có nhiều rủi ro về khả năng thanh toán do chỉ số thanh toán hiện thời đều lớn hơn 1 qua các năm. Riêng tỷ số thanh toán nhanh năm 2010 có giảm so với năm 2009 do công ty tăng cường lượng tồn kho nguyên liệu thức ăn và tồn kho cá tra đang nuôi gần gấp đôi so với năm 2009. Trong tình hình nguyên liệu thức ăn cá tra và giá cá tra nguyên liệu tăng cao, tồn kho này là lợi thế và sẽ đảm bảo kết quả kinh doanh năm 2011 của công ty.

Chỉ số	VHC – 2008	VHC -2009	VHC- 2010
Tỷ số thanh toán hiện thời	1,19	1,48	1,58
Tỷ số thanh toán nhanh	0,62	0,94	0,72

Cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Vĩnh Hoàn qua các năm cải thiện dần. Năm 2010, tỷ lệ nợ phải trả chỉ chiếm 46% tổng tài sản, trong đó nợ vay chỉ chiếm 24%. Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp trong ngành như HVG (58% và 41%), AVF (73% và 59%)... Trong tình hình lãi suất căng thẳng năm 2011, đây là lợi thế lớn của Vĩnh Hoàn.

Chỉ số	VHC – 2008	VHC -2009	VHC- 2010
Tổng nợ/vốn chủ sở hữu	2,06 lần	1,29 lần	0,90 lần
Tổng nợ/tổng tài sản	0,66 lần	0,55 lần	0,46 lần
Nợ vay/ tổng tài sản	0,56 lần	0,40 lần	0,24 lần
Nợ dài hạn/vốn chủ sở hữu	0,55 lần	0,33 lần	0,10 lần
Nợ dài hạn/tổng tài sản	0,18 lần	0,14 lần	0,05 lần

Đánh giá giá trị thị trường

Chỉ số	VHC – 2008	VHC -2009	VHC- 2010	Trung Bình Ngành 2010
EPS	2.668	4.613	4.573	3.427
PE	7,1	11,7	6,5	7,6
Giá sổ sách (Book value)	12.961 VND	15.333 VND	19.999 VND	

Với giá đóng cửa ngày 31/12/2010 là 29.500 chỉ số P/E của VHC là 6,5, với giá cổ phiếu VHC ngày 08/04/2011 là 23.800 chỉ số P/E chỉ khoảng 5,2.

Khả năng tăng trưởng

Chỉ số	VHC – 2008	VHC -2009	VHC- 2010	Trung Bình Ngành 2010
Tăng trưởng doanh thu thuần	71,34%	13,46%	8,60%	6,23%
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	(16,75%)	141,41%	10,77%	8,45%
Tăng trưởng tổng tài sản	79,63%	24,78%	20,17%	22,53%

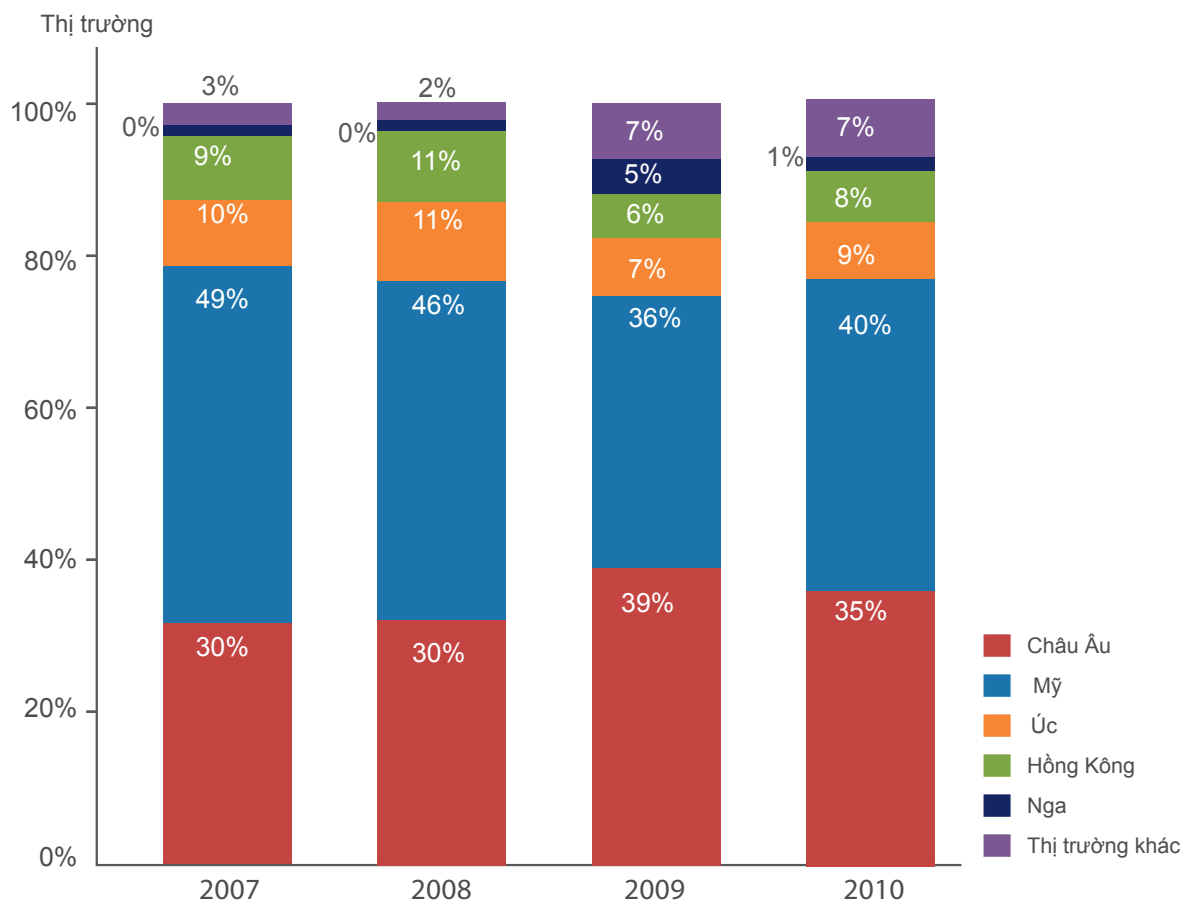
Doanh thu - Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Doanh thu 2010	Cơ cấu 2010	Doanh thu 2009	Cơ cấu 2009
Doanh thu hoạt động thương mại (thủy sản, thuốc thú y, thức ăn thủy sản, nguyên vật liệu..)	406	13,49%	475	17,14%
Doanh thu hoạt động sản xuất thức ăn thủy sản	335	11,13%	235	8,48%
Doanh thu hoạt động sản xuất thủy sản	1.934	64,28%	1.820	65,68%
Doanh thu phụ phẩm	306	10,17%	238	8,59%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28	0,93%	3	0,11%
Tổng	3.009	100%	2.771	100%

Cơ cấu thị trường xuất khẩu

- Mỹ và Châu Âu duy trì là hai thị trường chính chiếm hơn 70% thị phần xuất khẩu của công ty qua nhiều năm. Công ty cũng mở rộng việc phát triển xuất khẩu sang các thị trường khác ngoài các thị trường truyền thống như Hàn Quốc, Bermuda, Indonesia và Ukraine.
- Ngoài mặt hàng chính là cá tra fillet đông lạnh thông thường, công ty còn phát triển thành công sản phẩm cá tra có chứng nhận AquaGap và GlobalGap với giá bán cao và tính cạnh tranh thấp. Mặt hàng block thủy lực cá tra ngày càng phát triển, thay thế dần cá Pollack trên thị trường nguyên liệu cá thịt trắng. Đồng thời công ty cũng phát triển một số mặt hàng giá trị gia tăng từ cá tra. Kim ngạch xuất khẩu bột cá và mỡ cá cũng phát triển tốt với giá trị gần 5 triệu USD.



Cơ cấu chi phí

- Công ty đặt trọng tâm trong việc kiểm soát chi phí sản xuất nhằm giảm thiểu giá vốn hàng bán và sử dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí. Nhà máy thường xuyên thực hiện việc giám sát và có biện pháp khuyến khích giảm định mức tiêu hao các yếu tố đầu vào như nguyên liệu, năng lượng, vật tư, bao bì. Ban Kiểm Soát nội bộ định kỳ thực hiện việc kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo định mức tiết giảm được thực hiện một cách nghiêm túc và hợp lý. Hiệu quả của việc kiểm soát chi phí cho mảng sản xuất thủy sản và phụ phẩm tại công ty mẹ thể hiện qua chi phí giá vốn hàng bán giảm dần qua mỗi năm từ năm 2008.

Đơn vị tính: %/doanh thu

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn hàng bán	81,70%	84,84%	88,15%
Chi phí bán hàng	7,60%	6,75%	4,66%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,28%	0,86%	0,6%
Chi phí hoạt động tài chính	0%	0%	2,22%
Tổng cộng	92,60%	92,45%	95,63%

Năm 2010, trong bối cảnh giá nguyên liệu tăng và lãi suất căng thẳng, công ty vẫn đạt được hiệu quả kinh doanh tốt nhờ việc kiểm soát chi phí làm giảm đáng kể giá vốn hàng bán, đây chính là ưu thế cạnh tranh của doanh nghiệp trước các doanh nghiệp cùng ngành.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng nhẹ trong năm 2010 công ty gia tăng hoạt động marketing quảng bá hình ảnh công ty và hoạt động truyền thông nhằm bảo vệ hình ảnh con cá tra Việt Nam.

Thay đổi về vốn chủ sở hữu

Trong năm, công ty có ba lần tăng vốn điều lệ

Thời gian	Chi tiết	Tổng vốn điều lệ
Ngày 11 tháng 2 năm 2010	Tăng vốn điều lệ do phát hành thêm 5.328.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược	353.280.000.000 VNĐ
Ngày 04 tháng 6 năm 2010	Tăng vốn điều lệ do phát hành thêm 942.210 cổ phiếu cho chương trình cổ phiếu thưởng 2008-2009	362.702.100.000 VNĐ
Ngày 01 tháng 11 năm 2010	Tăng vốn điều lệ do phát hành thêm 10.881.063 cổ phiếu chia cổ tức 2010 theo tỷ lệ 10:3	471.512.730.000 VNĐ

Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2010: 471.512.730.000 VNĐ.

Thống kê cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu của công ty tại ngày 31/12/2010

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.052.920	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.052.920	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

Trong năm 2010, lượng cổ phiếu VHC có sự thay đổi như sau:

Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Thời gian chính thức giao dịch cổ phiếu bổ sung	Tổng lượng cổ phiếu lưu hành
Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông chiến lược với giá bình quân 46.000 VNĐ/cổ phiếu	5.328.000 cổ phiếu	15/3/2010	35.328.000
Phát hành thêm 600.000 cổ phiếu tài trợ chương trình xây dựng nhà ở cho CB-CNV và 342.210 cổ phiếu theo chương trình ESOP giai đoạn 2008-2009.	11.823.273 cổ phiếu	28/12/2010	47.151.273
Phát hành thêm 10.881.063 cổ phiếu thưởng chi trả cổ tức năm 2010 theo tỷ lệ 10:3			
Số lượng cổ phiếu quỹ được công ty mua lại (từ 10/11/2010 đến 10/2/2011)	1.198.750 cổ phiếu		45.952.523

Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2010, công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2010 cho các cổ đông 30% mệnh giá cổ phiếu bằng cổ phiếu thưởng, tương đương 10 cổ phiếu sở hữu được thưởng cổ tức là 3 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để chi trả cổ tức năm 2010 là 10.881.063 cổ phiếu. Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm chi trả cổ tức đã được niêm yết bổ sung trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM (HOSE) và chính thức giao dịch từ ngày 28/12/2010.

Những diễn biến trong năm 2010

Trong năm 2010, về tình hình chung có các khó khăn và thuận lợi, cơ hội và thử thách như sau:

Thuận lợi	Khó khăn
<ul style="list-style-type: none"> Vinh Hoàn đã thực hiện việc phát hành thêm, huy động vốn từ cổ đông chiến lược cuối năm 2009 nên giảm gánh nặng nợ vay, không chịu áp lực về lãi suất. Nhờ chủ động được nguồn nguyên liệu, tự cung cấp trên 50% nhu cầu nên Vinh Hoàn không những đảm bảo việc đủ nguyên liệu duy trì sản xuất ổn định mà còn hưởng lợi từ lợi nhuận của khâu nuôi nguyên liệu trong giai đoạn nguyên liệu tăng giá. Công ty có nhà máy thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 nên chủ động trong việc dự trữ nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi. Nhờ vậy, giá thành thức ăn chăn nuôi được giữ ổn định. Ngoài ra, chất lượng thức ăn của nhà máy thức ăn Vinh Hoàn 1 đạt tiêu chuẩn cao với nguồn protein chất lượng giúp cá hấp thu tốt, hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) thấp và chất lượng fillet tốt màu sắc trắng, cơ thịt săn chắc, tỷ lệ thu hồi cao. Do tỷ giá USD năm 2010 được điều chỉnh tăng nên các doanh nghiệp xuất khẩu với doanh thu USD như Vinh Hoàn được hưởng lợi. Vinh Hoàn đeo đuổi chính sách phát triển bền vững từ nhiều năm nay. Từ năm 2007, vùng nuôi của công ty đã áp dụng các nguyên tắc nuôi theo tiêu chuẩn Green Farm. Vinh Hoàn là một trong những đơn vị đầu tiên lấy chứng chỉ AQUAGAP và là đơn vị có diện tích nuôi đạt chứng chỉ GLOBALGAP lớn nhất. Do đó, công ty là nhà cung cấp đáng tin cậy cho các chuỗi mua hàng lớn trên thế giới, đòi hỏi gắt gao về chất lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> Không còn gói hỗ trợ lãi suất, lãi suất ngân hàng tăng. Tình hình nguyên liệu không ổn định, chi phí nuôi cá tăng do giá thức ăn và các chi phí nuôi tăng làm 9 tháng đầu 2010 người nuôi cá thua lỗ nặng và bỏ nuôi hàng loạt. Hệ quả là vào các tháng cuối năm 2010 nguyên liệu thiếu hụt nghiêm trọng. Giá lương thực thế giới tăng cao làm giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng giá liên tục. Tỷ giá đồng USD và Euro không ổn định, đồng Euro mất giá làm các nhà nhập khẩu Châu Âu mua hàng bằng đồng USD gặp bất lợi về tỷ giá nên dè dặt hơn trong việc mua hàng và giữ tồn kho. Cá tra gặp một số rào cản tại thị trường thế giới như việc WWF đưa cá tra vào danh sách đỏ, rủi ro của thuế chống phá giá.
Cơ hội	Thử thách
<ul style="list-style-type: none"> Nhu cầu thủy sản là nhu cầu thiết yếu và ngày càng gia tăng trên thế giới. Thủy sản đánh bắt ngày càng khan hiếm, do vậy thủy sản nuôi trồng sẽ là nguồn cung chủ lực của thế giới. Việt Nam có lợi thế so sánh về phát triển thủy sản so với các nước khác trên thế giới nhờ thiên nhiên ưu đãi, nguồn nhân lực dồi dào. Đặc biệt, cá tra lại là sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế so sánh tuyệt đối. Cá tra là loại cá ngon, thịt trắng, giá cạnh tranh so với các loại cá thịt trắng khác và sản lượng ổn định so với các loại cá đánh bắt. Nhu cầu và thị trường cho con cá này trên thế giới là rất lớn. Ngoài ra, tiềm năng khai thác thêm các mặt hàng giá trị gia tăng khác từ con cá này cũng như phụ phẩm của nó rất khả thi và hứa hẹn lợi nhuận cao. Vinh Hoàn là nhà cung cấp uy tín và đáng tin cậy với thương hiệu đã có chỗ đứng vững trên thị trường. Thị trường của Vinh Hoàn là thị trường ổn định với những khách hàng gắn bó và trung thành với công ty. Với dịch vụ chuyên nghiệp và chất lượng sản phẩm tốt, quy trình khép kín, Vinh Hoàn có lợi thế so sánh vượt trội so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Các hệ thống bán lẻ trên thế giới ngày càng quan tâm đến cá tra và mong muốn tìm nhà cung cấp ổn định có khả năng kiểm soát toàn bộ chuỗi nuôi trồng, chế biến và đảm bảo khả năng truy xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> Vụ kiện chống phá giá ở thị trường Mỹ. Vinh Hoàn là doanh nghiệp đã tham gia vụ kiện trong nhiều năm với nhiều kinh nghiệm và kiến thức pháp lý, kiên trì đấu tranh hàng năm để có được mức thuế công bằng, hợp lý. Sự thiếu hụt lao động luôn là vấn đề với ngành thủy sản. Công ty luôn dành nhiều thời gian xây dựng chính sách cải thiện đời sống người lao động và các chế độ khuyến khích, thu hút lao động.

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2010

Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận

Chế biến thủy sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2010	Mức độ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu	2.758	2.410	144,14%
Tổng lợi nhuận sau thuế	186	119	156,30%

Nhà máy thức ăn thủy sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế Hoạch 2010	Mức độ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu	1.124	845	133,08%
Lợi nhuận sau thuế	59	80	74,15%
Lợi nhuận phân bổ cho công ty cổ phần Vinh Hoàn	45	56	80 %

Kết quả hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Thực hiện năm 2009	Mức độ tăng trưởng	Mức độ vượt kế hoạch
Doanh thu thuần		3.009	2.771	8,6%	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	180	214.03	193.23	10,77%	18,91%

Hoạt động kinh doanh

- Sản phẩm: phát triển được mặt hàng cá tra fillet có chứng nhận với giá bán cao và tính cạnh tranh thấp, đẩy mạnh mặt hàng cá tra block thủy lực và phát triển được một số mặt hàng giá trị gia tăng;
- Thị trường: duy trì được các thị trường truyền thống là Mỹ và Châu Âu, phát triển được các thị trường mới;

Hoạt động tiếp thị

- Thực hiện chính sách nuôi GlobalGap và các hoạt động quảng bá cho hình ảnh cá tra và cá tra nuôi trồng có chứng nhận;
- Duy trì cập nhật thông tin định kỳ trên website, đặc biệt là các nội dung liên quan đến nuôi trồng bền vững;
- Hoàn tất bộ chuẩn hóa nhận diện thương hiệu;

Hoạt động nuôi trồng

- Tự cung cấp 55% nhu cầu cá tra nguyên liệu;
- Đạt chứng nhận Global Gap cho 5 vùng nuôi (Tân Hòa, Tân Thạnh, Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông, Mỹ Xương);
- Tiến hành thả nuôi 68ha cá chêm ở Bình Đại, Bến Tre;
- Hoàn tất và đưa trại giống đi vào hoạt động;

Hoạt động sản xuất

- Năng suất có cải thiện khá tốt so với năm 2009;
- Tỷ lệ thu hồi có gia tăng khá đáng kể so với năm 2009 thể hiện kết quả của việc quản lý sản xuất có hiệu quả;
- Hoàn thành đưa xí nghiệp 1 vào sản xuất vào trong quý 3/2010;
- Duy trì các hệ thống quản lý chất lượng ISO9001; ISO 14001, ISO 22000, ISO 17025:2005 ; BRC, IFS, HACCP;

Kế hoạch năm 2011

Công ty kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua chỉ tiêu năm 2011 như sau:

Kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2011:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011
Doanh thu từ chế biến thủy sản	2.758	3.000
Doanh thu từ nhà máy thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	1.124	1.200
Lợi nhuận trước thuế	273	290
<i>Trong đó: lợi nhuận của nhà máy thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 chuyển về công ty mẹ (70% tổng lợi nhuận của Vĩnh Hoàn 1)</i>	45	56
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	214	250



Kế hoạch kinh doanh

- Kim ngạch xuất khẩu: 145 triệu USD;
- Thị trường: đa dạng hóa thị trường;
- Sản phẩm: phát triển hàng giá trị gia tăng, hàng có chứng nhận và các sản phẩm từ phụ phẩm.

Kế hoạch tiếp thị

- Quảng bá thương hiệu để khách hàng nhận diện sự khác biệt của chất lượng sản phẩm Vinh Hoàn với hoạt động nuôi trồng và chế biến thân thiện với môi trường;
- Chủ động tổ chức và tham gia các chiến dịch truyền thông bảo vệ hình ảnh cá tra Việt Nam.

Kế hoạch nuôi trồng

- Tăng thêm 100ha diện tích trại nuôi cá tra trong năm 2011, hướng đến tự cung cấp 100% nhu cầu nguyên liệu cá tra trong các năm tới;
- Cung cấp 80% nhu cầu nguyên liệu với sản lượng 70.000 tấn/năm;
- Đạt chứng nhận ASC và BAP về nuôi trồng, chứng nhận GLOBALGAP cho nhà máy thức ăn và trại giống.

Kế hoạch sản xuất

- Quản lý sản xuất hiệu quả, tiết kiệm chi phí và cải thiện năng suất;
- Sản xuất đúng tiến độ giao hàng;
- Tuân thủ và duy trì các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, IFS hiện hành;
- Đạt chứng nhận SA8000 về trách nhiệm xã hội đối với người lao động.

Kế hoạch đầu tư

- Đầu tư nhà máy gạo công suất 100.000 tấn/năm với tổng kinh phí dự kiến 90 tỷ đồng;
- Hoàn thành việc chọn lựa phương án và thiết kế xong nhà máy sản xuất Collagen với tổng kinh phí dự kiến 200 tỷ đồng;
- Đầu tư cho khâu nuôi trồng dự kiến 120 tỷ đồng cho diện tích 100ha cá tra tăng thêm;
- Đầu tư phân xưởng sản xuất bao PP cho thức ăn viên tại nhà máy thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 với vốn đầu tư 15 tỷ đồng;
- Đầu tư dây chuyền sản xuất thức ăn cho cá bố mẹ và cá giống tại nhà máy thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 trị giá 5 tỷ đồng.



Báo cáo Ban Kiểm Soát

Phạm vi kiểm soát trong năm 2010

1. Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của công ty năm 2010 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
2. Kiểm tra các báo cáo tài chính định kỳ (của Công Ty Cổ Phần Vinh Hoàn, Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vinh Hoàn 1, Vinh Hoàn (USA) Inc.) để đánh giá tính hợp lý, minh bạch của các số liệu tài chính;
3. Kiểm soát chi phí sản xuất;
4. Giám sát thực hiện dự án đầu tư vào xí nghiệp 2.

Phương pháp kiểm soát

- Tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc theo quy và theo yêu cầu;
- Xem xét các tài liệu, báo cáo của các bên liên quan;
- Khảo sát thực tế tại nhà máy, bộ phận nuôi, nhà máy thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1, Vinh Hoàn (USA) Inc.; Tham gia đóng góp ý kiến cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc.

Nhận xét đánh giá

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc Công ty

Năm 2010 ngoài sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, công ty còn phải đối mặt với các rào cản thương mại của các nước nhập khẩu, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát của Hội Đồng Quản Trị và sự nỗ lực của Ban Giám Đốc, các chỉ tiêu tài chính đã được hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Các cuộc họp diễn ra nhằm xem xét và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, thảo luận các vấn đề của Vinh Hoàn đã được Đại Hội Cổ Đông năm 2010 đề ra, thảo luận các vấn đề về cải tiến bộ máy quản lý, nhân sự, cập nhật tiến độ các dự án đầu tư, tình hình vụ kiện chống phá giá ở Mỹ và phát hành thêm cổ phiếu. Các vấn đề thảo luận và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị phù hợp chức năng và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trong năm 2010, Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc công ty đã đề ra và tổ chức thực hiện các chiến lược đúng đắn nhằm nâng cao thương hiệu của công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường, đa dạng hóa hàng hóa, giúp công ty có thể phát triển ổn định và bền vững như sau:

- Triển khai nuôi cá chêm ở vùng nuôi Ba Tri – Bến Tre.
- Đầu tư mở rộng 2 dây chuyền sản xuất thức ăn thủy sản công suất 12 tấn/giờ
- Phối hợp nghiên cứu và sản xuất dầu diesel sinh học.
- Định hướng nâng cấp xí nghiệp 2 theo hướng sản xuất hàng giá trị gia tăng.
- Mở rộng vùng nuôi và hệ thống nuôi hợp tác.
- Cải thiện chất lượng thức ăn nhằm hạ thấp hệ số chuyển đổi thức ăn, nâng cao chất lượng cơ thịt cá giúp giảm định mức chế biến.
- Thành lập phòng nghiên cứu và phát triển để hỗ trợ nghiên cứu và sản xuất mẫu collagen ở quy mô phòng kiểm nghiệm và các cải tiến khác phục vụ cho sản xuất.
- Chú trọng đến các chính sách nâng cao lợi ích người lao động.
- Chú trọng các hoạt động nâng cao hình ảnh của công ty như tổ chức hội thảo, công tác từ thiện, tham gia hội chợ, quảng cáo trên báo, tạp chí, tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế.
- Quyết định bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh nhằm đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong tương lai, giảm việc phụ thuộc hoàn toàn vào ngành cá.
- Chủ động trong việc bình ổn giá cổ phiếu thông qua việc mua cổ phiếu quỹ.

- Nỗ lực đấu tranh về pháp lý và truyền thông để Bộ Thương Mại Mỹ xem xét lại mức thuế chống bán phá giá sơ bộ bất hợp lý đã áp đặt cho Vinh Hoàn nói riêng và cho cả ngành cá tra của Việt Nam nói chung.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra báo cáo tài chính năm 2009 của Công Ty Cổ Phần Vinh Hoàn và thống nhất xác nhận kết quả kiểm soát như sau:

Kinh doanh thủy sản và dịch vụ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2010	Mức độ hoàn thành kế hoạch
DOANH THU THUẦN	2.757.899	2.410.000	114,44%
• Thành phẩm	1.856.214		
• Hàng hóa	515.954		
• Nguyên vật liệu	5.111		
• Phụ phẩm	351.896		
• Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác	28.724		
Lợi nhuận trước thuế	235.015		
Thuế TNDN	48.723		
Lợi nhuận sau thuế	186.292	119.000	156,55%
Lợi nhuận gia tăng cho cổ đông công ty mẹ từ hợp nhất báo cáo công ty mẹ và các công ty con	27.743		
Tổng lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	214.035	180.000	118,91%

Thức ăn thủy sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2010	Mức độ hoàn thành kế hoạch
DOANH THU THUẦN	1.124.499	845.000	133,08%
Lợi nhuận trước thuế	57.248		
Thuế TNDN	(2.068)		
Lợi nhuận sau thuế	59.316	80.000	74,15%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	14.541		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	44.775	56.000	79,96%

Kết quả hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Thực hiện năm 2009	Mức độ tăng trưởng
DOANH THU THUẦN	3.009.175	2.771.003	8,60%
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	214.035	193.229	10,77 %

Các báo cáo tài chính được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo tính chính xác, trung thực và hợp lý.

Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2010 theo báo cáo của Ban Giám Đốc là hoàn toàn chính xác so với sổ sách kế toán và kiểm tra thực tế.

Đánh giá thực hiện những đề xuất cải thiện của Ban Kiểm Soát

Trong năm vừa qua Ban Kiểm Soát đã thực hiện một số kiến nghị và đã được ban lãnh đạo công ty quan tâm thực hiện:

- Ban Giám đốc công ty đã tiến hành cho xây dựng lại hệ thống báo cáo và phân tích số liệu của các vùng nuôi.
- Việc giám sát, quản lý số lượng, chất lượng hàng hóa trong kho lạnh ngày càng cải thiện, thể hiện qua tính chính xác của số liệu trong các lần kiểm kê, thẩm tra kho lạnh.
- Bộ máy quản lý kho vật tư được củng cố và tinh thần trách nhiệm được nâng cao: hàng hóa không bị thất thoát, giảm chất lượng do lưu trữ không đúng cách.
- Cách thực hiện báo cáo số liệu của các bên liên quan cho Ban Kiểm Soát nội bộ hoạt động thuận lợi hơn.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật của công ty cổ phần đối với việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời.

Kết luận và kiến nghị

Mặc dù đối mặt với các khó khăn về kinh tế trong nước và nhiều rào cản thương mại của các nước nhập khẩu cụ thể là làn sóng bồi xấu cá tra lan truyền từ Âu sang Mỹ, Vinh Hoàn có một năm 2010 thành công, khẳng định được vị thế và thương hiệu của công ty trong và ngoài nước.

Ban Kiểm Soát có một số kiến nghị như sau cho năm 2011:

- Xây dựng quy trình, cách thức báo cáo sao cho dữ liệu từ cấp cơ sở được truyền tải đến ban lãnh đạo công ty một cách nhanh chóng;
- Tăng cường năng lực phân tích, nắm bắt tình hình nhân sự nội tại và của đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là đối với các đối thủ trong cùng địa phương;
- Kịp thời điều chỉnh và áp dụng chính sách thúc đẩy tăng năng suất và giảm định mức sản xuất một cách hiệu quả;
- Đẩy nhanh và hoàn tất chương trình xây dựng nhà tập thể cho cán bộ, công nhân viên;
- Xây dựng và kiện toàn hệ thống đánh giá năng lực nhân viên một cách hiệu quả;
- Xây dựng quy chuẩn cho chế độ lương, thưởng và các chính sách phúc lợi khác cho người lao động một cách rõ ràng;
- Chú trọng xây dựng chính sách nhằm kích thích tính sáng tạo và đổi mới trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên.

Các Công ty có liên quan

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Vĩnh Hoàn: không có

Công ty có trên 50% vốn góp do Vĩnh Hoàn nắm giữ

Công ty	Địa chỉ	Vốn góp của Vĩnh Hoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc Lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	69,80%
Vinh Hoan (USA) Inc.	2 Mahogany Dr., Irvine, CA 92620	100%

Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1

Kết quả và tình hình sản xuất KD năm 2010

Đơn vị tính: tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu	1.124	726
Lợi nhuận sau thuế	59	56

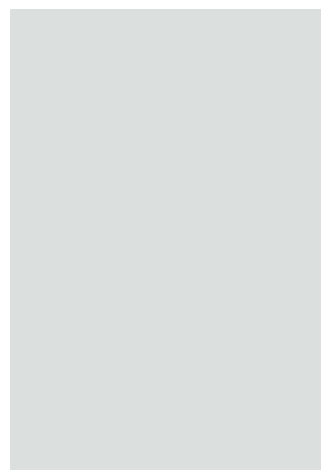
- Doanh thu của Vĩnh Hoàn 1 tăng 54,8% so với năm 2009 và vượt 33% so với kế hoạch. Tuy nhiên lợi nhuận chỉ đạt 74% so với kế hoạch do mảng sản xuất thức ăn viên không đạt kế hoạch lợi nhuận.
- Nguyên nhân là do tình hình giá nguyên liệu sản xuất thức ăn viên không ngừng gia tăng do giá lương thực thế giới leo thang. Sáu tháng đầu năm 2010, khi người nuôi cá không có lãi, Vĩnh Hoàn 1 đã không chạy theo lợi nhuận bằng cách điều chỉnh tăng giá thức ăn tương ứng theo giá nguyên liệu mà tập trung cải tiến công thức nhằm nâng cao chất lượng thức ăn. Tuy lợi nhuận mảng thức ăn viên trong 6 tháng đầu năm 2010 không đạt kế hoạch, nhưng công ty đã tạo được uy tín về chất lượng thức ăn, đáp ứng được yêu cầu thị trường cá trắng, định mức chế biến thấp, tỷ lệ thu hồi cao và sức khỏe cá tốt.

Kế hoạch năm 2011

Đơn vị tính: tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2010	Chỉ tiêu Năm 2011
Doanh thu	1.124	1.200
Lợi nhuận sau thuế	59	80

Năm 2011 là một năm nhiều thách thức với tình hình lạm phát tăng, tỉ giá đồng USD và lãi suất ngân hàng tăng mạnh, giá nông sản trên thế giới ngày càng leo thang. Tuy nhiên Vĩnh Hoàn 1 sẽ có nhiều cơ hội mở rộng phạm vi kinh doanh bằng cách đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất thức ăn cho cá biển, cá giống và thức ăn gia cầm trong tương lai. Năm 2011 cũng sẽ là năm Vĩnh Hoàn 1 tập trung hoàn thiện chất lượng sản phẩm thông qua nhiều hoạt động nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu, giảm thiểu chi phí thông qua các cải tiến về bao gói sản phẩm, kiểm soát năng lượng tiêu thụ và tăng cường cơ giới hóa sản xuất.



Vinh Hoan (USA) Inc.

Kết quả và tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010

Đơn vị tính: USD

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu	50.270.669	33.351.236
Lợi nhuận sau thuế	290.149	188.036

Với nhiệm vụ là cánh tay nối dài của Vinh Hoàn tại thị trường Mỹ, Vinh Hoan (USA) Inc. đã làm tròn vai trò của mình với kết quả doanh thu tăng 151% và lợi nhuận tăng 154% so với năm 2009, cung cấp các dịch vụ về thuế quan và giao nhận một cách nhanh chóng và hiệu quả cho khách hàng.

Kế hoạch năm 2011

- Cải tiến quy trình và tăng cường kiểm soát, không để phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi;
- Cải tiến quy trình và thời hạn cập nhật thông tin về giao nhận cho khách hàng;
- Giảm vòng thu hồi nợ bán hàng;
- Tiến hành các hoạt động quảng bá sản phẩm tại thị trường Mỹ và mở rộng sang các thị trường Nam Mỹ.

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty





Các cá nhân trong Ban điều hành



1



3

1 Bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH
Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1961

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

- Là người khởi nghiệp Vinh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 14 năm giữ vị trí Giám đốc và Tổng Giám đốc, lãnh đạo công ty từ những ngày đầu gian khó, nhọc nhằn. Bà là người bỏ nhiều thời gian và công sức vạch ra các chiến lược có tính chất quyết định để đưa Vinh Hoàn lên vị trí đầu ngành hôm nay. Bà Khanh còn có những giá trị đặc biệt có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu hút nhân sự giỏi và tạo động lực gắn bó cho nhân viên công ty.



2



4

2 Ông HUỖNH ĐỨC TRUNG
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1963

Chuyên môn:

Kỹ sư chế biến công nghệ thực phẩm
Gắn bó với Vinh Hoàn: 11 năm

- Trước khi gia nhập Vinh Hoàn, ông Trung có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành thủy sản, tại xí nghiệp đông lạnh Sa Đéc và 4 năm làm việc tại Công ty Xuất Nhập Khẩu Sa Giang. Ông Trung giữ chức Phó Tổng Giám Đốc phụ trách khối sản xuất và nuôi trồng, được giao trọng trách phối hợp hài hòa các bộ phận của nhà máy. Ông Trung được bổ nhiệm vào Hội Đồng Quản Trị từ năm 2009.

3 Bà NGUYỄN NGÔ VITÂM
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân luật

Gắn bó với Vinh Hoàn: 8 năm

- Bà Tâm hiện đang giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Vinh Hoàn. Trước khi gia nhập Vinh Hoàn vào năm 2003, bà Tâm làm việc tại văn phòng luật YKVN. Bà Tâm giữ chức Trưởng Phòng Kinh Doanh từ năm 2006 và là Phó Tổng Giám Đốc từ năm 2008, được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị vào năm 2007. Bà Tâm giữ vai trò điều hành hoạt động bán hàng đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vinh Hoàn và là cầu nối giữa nhà máy và khách hàng.

4 Ông LÊ THANH HÙNG
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1953

Chuyên môn: Tiến sĩ khoa học thủy sản tại Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp Paris- Grignon (Pháp).

- Tiến sĩ Lê Thanh Hùng hiện nay là Trưởng Khoa Thủy Sản tại trường Đại Học Nông Lâm, TPHCM. Ông đã và đang chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu về cá tra, cá basa trong và ngoài nước. Tiến sĩ Hùng có nhiều kinh nghiệm ở cả lý thuyết và thực tiễn vô cùng phong phú về con cá tra trong tất cả các khâu giống, nuôi trồng, dinh dưỡng và thức ăn cho cá. Ông đã đào tạo nhiều chuyên viên về dinh dưỡng cho công ty Vinh Hoàn và tư vấn nhiều ý kiến quý giá cho việc nuôi trồng thủy sản của công ty.

5 Ông NGUYỄN VĂN KHÁNH
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1982
Chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài Chính Doanh Nghiệp, Cử nhân Anh văn.

- Ông Khánh hiện là Trưởng Phòng Tư Vấn Tài Chính Doanh Nghiệp của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh. Ông Khánh gia nhập Hội Đồng Quản Trị công ty Vĩnh Hoàn từ năm 2009. Ông là người đóng góp cho Vĩnh Hoàn các ý kiến tư vấn chuyên môn liên quan đến tài chính, chứng khoán và thực hiện các nhiệm vụ của công ty đại chúng theo đúng quy định của pháp luật.



6 Bà TRƯƠNG TUYẾT PHƯƠNG
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1974
Chuyên môn: Cử nhân tin học và tài chính kế toán
Gắn bó với Vĩnh Hoàn: 14 năm

- Bà Phương gắn bó với Vĩnh Hoàn từ những ngày đầu công ty mới thành lập. Từ năm 1998 đến 2005, bà Phương giữ chức kế toán trưởng Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh của Vĩnh Hoàn. Từ năm 2005 đến nay, bà Phương đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính. Bà Phương điều hành các hoạt động kế toán, tài chính và tổ chức nhân sự của công ty.



7 Ông ĐẶNG VĂN VIỄN
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1975
Chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm, Cử nhân kinh tế quản trị kinh doanh
Gắn bó với Vĩnh Hoàn: 9 năm

- Ông Viễn giữ chức Phó Tổng Giám Đốc từ năm 2007. Trước đó, ông Viễn công tác ở bộ phận kế hoạch sản xuất tại Vĩnh Hoàn. Ông Viễn phụ trách bộ phận nuôi trồng thủy sản từ những ngày đầu thành lập vào năm 2008, đóng góp đáng kể vào việc xây dựng các tiêu chuẩn nuôi và quản lý hiệu quả kinh tế của hoạt động nuôi. Hiện ông Viễn quản lý các dự án mới của công ty.

8 Bà NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1979
Chuyên môn: Cử nhân ngành kế toán, kiểm toán
Gắn bó với Vĩnh Hoàn: 8 năm

- Bà Đào gắn bó với Vĩnh Hoàn từ khi mới tốt nghiệp Đại Học. Với trình độ chuyên môn của mình bà Đào thực hiện và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ kế toán, tài chính một cách chuẩn xác và đúng luật pháp. Thông qua các chỉ số và báo cáo phân tích, bà đóng một vai trò quan trọng trong việc kiểm soát chi phí, giúp công ty đạt các mục tiêu lợi nhuận đặt ra. Bà giữ chức vụ kế toán trưởng của Vĩnh Hoàn từ năm 2004 đến nay.

Quyền lợi của Ban Điều Hành

Lương thưởng của Ban Điều Hành được xây dựng dựa theo đóng góp vào công ty và kết quả công việc. Lương được điều chỉnh một năm một lần theo mức độ cống hiến và trên cơ sở khuyến khích nhân tài. Ngoài ra, để có chính sách thu hút nhân tài và khích lệ ban lãnh đạo công ty, Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua quỹ khen thưởng thành tích vượt kế hoạch cho Ban Điều Hành công ty.

Cụ thể, quỹ tiền thưởng vượt kế hoạch năm 2009 là 2 tỷ đồng. Công ty đã thưởng cho Ban Giám Đốc, các trưởng phó phòng và một số nhân viên xuất sắc của ban điều hành Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn và Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1 theo danh sách và tỷ lệ chia thưởng do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Chi tiết như sau:

- Thưởng cho 48 đối tượng thuộc Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn với tổng số tiền là 1,8 tỷ đồng.
- Thưởng cho 13 đối tượng thuộc Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1 với tổng số tiền là 200 triệu đồng.

Chính sách đối với người lao động

- Nhân viên văn phòng: khoảng hơn 150 người.
- Công nhân: khoảng hơn 3000 người.
- Công ty xây dựng chính sách tiền lương, thưởng hợp lý nhằm thi đua giảm chi phí sản xuất, thu hút và ổn định nguồn nhân lực. Ngoài ra công ty cũng triển khai chương trình cổ phiếu thưởng (ESOP) cho cán bộ công nhân viên với tổng số lượng 900.000 cổ phiếu phổ thông, giai đoạn 2008-2012, mỗi năm không quá 180.000 cổ phiếu. Công ty còn tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước, có chế độ thăm hỏi hỗ trợ trong các trường hợp công nhân viên bị bệnh. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Hàng năm, công ty đều có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ quản lý, kinh doanh, điều hành và công nhân sản xuất. Công tác chăm lo bữa ăn giữa ca cho cán bộ công nhân viên cũng được tổ chức thực hiện chu đáo, đảm bảo chất lượng dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

Các hoạt động xã hội của công ty đối với người lao động

- Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho cán bộ công nhân viên làm việc xa nhà.
- Kết hợp với Đoàn TNCS của tỉnh và thành phố tổ chức các chương trình văn nghệ thể dục thể thao như: giao lưu văn nghệ chào mừng lễ 30/4 và 01/5, chương trình chạy việt dã tranh cúp Vĩnh Hoàn, chương trình đi bộ “Chắp cánh ước mơ” gây quỹ cho trẻ em nghèo khuyết tật.
- Tổ chức khen thưởng và có các chính sách học bổng cho con em của cán bộ công nhân viên, hỗ trợ công nhân viên hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thông qua Quỹ học bổng và trợ cấp khó khăn của công ty.
- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động thông qua việc phát hành 600.000 cổ phiếu phổ thông (tương ứng với 2% vốn điều lệ) trong năm 2009 để tài trợ cho chương trình xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên.
- Tổ chức chương trình rèn luyện kỹ năng xây dựng đội nhóm (“team building”).

Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty

1. Danh sách Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

Danh sách Hội Đồng Quản Trị : (“HĐQT”)

Họ và tên	Chức vụ
● Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch HĐQT
● Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên HĐQT
● Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên HĐQT
● Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên HĐQT
● Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT

- Số thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: 2/5.
- Lý lịch của các thành viên HĐQT: xem trang 46-47, Phần Tổ Chức và Nhân Sự.

Danh sách Ban Kiểm Soát :

Họ và Tên	Chức vụ
● Nguyễn Văn Nghệ	Trưởng ban
● Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên
● Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên

Ông Nguyễn Văn Nghệ

Ông Nghệ không phải là nhân viên phòng kế toán, tài chính của công ty, và không phải nhân viên, thành viên của đơn vị kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty, do đó, đảm bảo tính độc lập và khách quan khi làm nhiệm vụ. Ông Nghệ có chuyên môn là cử nhân kinh tế tài chính.

Quá trình công tác:

● 1986 - 1994	: Kế toán trưởng công ty Thơm Xuất Khẩu, Sở Nông Nghiệp TPHCM.
● 1994 - 1999	: Kế toán trưởng công ty liên doanh ô tô Inchcape Sài Gòn.
● 1999 - 2000	: Kế toán trưởng công ty KEXIM Leasing Việt Nam.
● 2000 - 2002	: Giám Đốc công ty Sun Light PC Trading Co.,Ltd.
● 2003 - 2005	: Giám đốc công ty cổ phần Máy Tính Việt Nam.
● 2005 - 2006	: Giám Đốc DNTN Vi Tính RAM ViệtNam.
● 2006 - hiện nay	: Giám Đốc Công ty TNHH Du Lịch Hải Việt.

Ông Nguyễn Thanh Phương

Trình độ chuyên môn và học vị	: Phó Giáo Sư -Tiến Sĩ Thủy Sản. Học Thạc Sĩ tại Viện Công Nghệ Châu Á. Học Tiến Sĩ tại Viện Bách Khoa Quốc Gia Toulouse, Pháp.
Chức vụ hiện nay	: Trưởng Khoa Thủy Sản Đại Học Cần Thơ.

Bà Hồ Thanh Huệ

Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư môi trường.
---------------------	---------------------

Quá trình công tác:

● 2004-2006	: Nhân viên phòng kỹ thuật công ty Vinh Hoàn phụ trách môi trường.
● 2006-2008	: Phó phòng quản lý chất lượng công ty Vinh Hoàn.
● 2008-2010	: Trưởng Ban Kiểm Soát Nội Bộ, thành viên Ban Kiểm Soát công ty Vinh Hoàn.

Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2010

- Theo Nghị Quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2010 thông qua, tổng thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký HĐQT là 60.000.000 đồng/tháng cho 13 tháng, tổng cộng 780 triệu trong nhiệm kỳ năm 2010. Tất cả các thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho công ty. Ngoài ra, Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát không nhận các khoản lợi ích khác của Vĩnh Hoàn.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng và những người có liên quan.

- Sở hữu cổ phần của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, kế toán trưởng và công đoàn như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm 31/12/2009		Thời điểm 31/12/2010	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	17.965.000	50,85%	23.371.868	49,57%
Huỳnh Đức Trung	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám Đốc	10.000	0,03%	25.779	0,05%
Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành Viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám Đốc	10.000	0,03%	26.026	0,06%
Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám Đốc	10.000	0,03%	25.870	0,05%
Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám Đốc	10.000	0,03%	21.398	0,05%
Nguyễn Thị Kim Đào	Kế Toán Trưởng	5.000	0,01%	18.694	0,04%
Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên Ban Kiểm Soát	4.000	0,01%	5.200	0,01%
Hồ Thanh Huệ	Thành Viên Ban Kiểm Soát	0	0%	9.399	0,02%

Thông tin giao dịch của các người có liên quan như sau :

Bà TRƯƠNG THỊ HỨA – chị gái bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH – đã bán 83.850 cổ phiếu ngày 20-01-2011. Tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch: 0%.

2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị thường xuyên theo dõi hoạt động của Ban Giám Đốc công ty để có sự chỉ đạo kịp thời. Hội Đồng Quản Trị họp chính thức 8 lần trong năm 2010 và thường xuyên trao đổi họp mặt không chính thức qua điện thoại để cập nhật nhanh tình hình hoạt động của công ty. Cụ thể Hội Đồng Quản Trị thực hiện nhiệm vụ việc giám sát hoạt động của Ban Giám Đốc, chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2010 như sau:

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh định kỳ hàng quý và quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn tới và ngân sách cho các dự án mới;
- Giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh do Đại Hội Đồng Cổ Đông đề ra;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty, thành lập phòng Nghiên Cứu Và Phát Triển và bổ sung vị trí Giám Đốc Sản Xuất và Kế Hoạch;
- Quyết định phương án việc phát hành cổ phiếu thưởng để chia cổ tức năm 2010 theo tỷ lệ 30% như Đại Hội Cổ Đông 2010 thông qua và quyết định, giám sát việc phát hành cổ phiếu thưởng ESOP cho cán bộ công nhân viên;
- Quyết định và giám sát các việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm của công ty, thống nhất việc xin cấp hạn mức tín dụng năm 2010 sáu trăm tỷ đồng với Vietcombank để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

- Quyết định việc mua 2 triệu cổ phiếu quỹ của công ty thời gian 08/11/2010 đến ngày 08/02/2011;
- Theo dõi diễn biến tình hình vụ kiện chống phá giá và phân tích đánh giá tác động đến hoạt động của Vinh Hoàn, đề ra kế hoạch ứng phó;
- Phê duyệt đối tượng và mức thưởng cho quỹ khen thưởng vượt kế hoạch năm 2009 cho ban điều hành;
- Quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh trong giấy phép đăng ký kinh doanh;

Trong năm 2010, Hội Đồng Quản Trị có các nghị quyết như sau:

- Nghị quyết HĐQT ngày 20/7/2010 về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2010;
- Nghị quyết HĐQT ngày 1/11/2010 về việc mua hai triệu cổ phiếu quỹ;
- Nghị quyết HĐQT ngày 20/12/2010 về việc thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh.

3. Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm 2010, Ban Kiểm Soát đã kiểm tra và giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành với các nội dung như sau:

- Kiểm tra việc tuân thủ chuẩn mực kế toán trong công tác hạch toán và ghi nhận tài sản và nguồn vốn, doanh thu và chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh trong kỳ (quý, bán niên, năm). Việc kiểm tra báo cáo tài chính bao gồm cả báo cáo riêng và hợp nhất;
- Làm việc, thảo luận với kiểm toán độc lập trong công tác kiểm toán báo cáo tài chính nhằm xác định tính trung thực và hợp lý trong báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thảo luận các vấn đề khó khăn và tồn tại trong Công ty với Ban điều hành;
- Tổ chức kiểm tra thực tế tại các nhà máy và kiểm soát chi phí sản xuất;
- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như việc chấp hành luật pháp và Điều lệ Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

4. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Trong năm 2010 vừa qua, Vinh Hoàn đã đưa hoạt động quan hệ nhà đầu tư vào trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh việc công bố thông tin theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán, Vinh Hoàn đã chú trọng nâng cao hoạt động quan hệ nhà đầu tư với mong muốn cung cấp và trao đổi thông tin cập nhật nhất về Vinh Hoàn. Qua đó, Vinh Hoàn cũng kỳ vọng vào những đóng góp và đồng hành của cộng đồng nhà đầu tư trên con đường phát triển của mình. Công tác nâng cao hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm qua bao gồm:

- Đào tạo cho Ban điều hành và Cán bộ chủ chốt về vai trò và nhận thức tầm quan trọng của hoạt động quan hệ nhà đầu tư.
- Xây dựng quy trình cụ thể thực hiện công tác quan hệ nhà đầu tư.
- Xây dựng gói thông tin doanh nghiệp phục vụ việc trình bày, trao đổi thông tin khi tiếp xúc với các nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích, ...
- Xây dựng Bản tin tổng hợp hàng tháng cung cấp cho cộng đồng nhà đầu tư thông tin giao dịch của cổ phiếu VHC và thông tin cập nhật về Vinh Hoàn. Bản tin tổng hợp sẽ được gửi tới email của các nhà đầu tư hoặc có thể tải về tại trang web của Vinh Hoàn.

- Hội thảo “Hoàn thiện và tối ưu chuỗi giá trị sản phẩm” được Vĩnh Hoàn tổ chức vào ngày 18/08/2010 tại Khách sạn New World.
- Tiếp xúc và đối thoại trực tiếp với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức tài chính trung gian, các đơn vị truyền thông sự kiện

Vĩnh Hoàn đánh giá cao tầm quan trọng của hoạt động quan hệ nhà đầu tư và xem hoạt động này là chiếc cầu nối hiệu quả giúp cho việc đối thoại thông tin giữa cộng đồng nhà đầu tư và doanh nghiệp dễ dàng và liên tục. Vì thế, thông qua hoạt động quan hệ nhà đầu tư, Vĩnh Hoàn mong nhận được nhiều sự quan tâm và đóng góp ý kiến của các đối tượng tham gia thị trường tài chính. Mọi ý kiến đóng góp xin được gửi về:

- Ban Quan hệ Nhà đầu tư - Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn
- Địa chỉ: 569-571-573 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84.8) 3836 4849
- Fax: (84.8) 3836 5090

5. Dữ liệu thống kê cổ đông tại ngày (theo danh sách chốt ngày 10-3-2011)

Cổ đông góp vốn Nhà nước: không có

Danh sách cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
1	Trương Thị Lệ Khanh	384 Nguyễn Trãi , Phường 8, Quận 5, TPHCM	23.371.868	49,57%
2	Red River Holding	Walkers SPV Limited, 87 Mary Street, Grand Cayman, KY 1-9002, Cayman Islands	7.142.291	15,15%
3	Quỹ Đầu Tư Việt Nam	Tầng 12, Toà Nhà A, Vincom 191 Bà Triệu Hà Nội	3.874.632	8,22%

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông là tổ chức	35	17.492.585	37,10%
1a	Trong nước	12	6.775.894	14,37%
1b	Nước ngoài	23	10.716.691	22,73%
2	Cổ đông là cá nhân	492	29.658.688	62,90%
2a	Trong nước	472	29.615.044	62,81%
2b	Nước ngoài	20	43.644	0,09%
Tổng		527	47.151.273	100,00%



Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm cộng đồng

Văn hóa doanh nghiệp

Vinh Hoàn luôn năng động và có hiệu quả nhờ vào sự tâm huyết của mỗi người ở từng bộ phận trong công ty. Ban lãnh đạo luôn truyền cảm hứng và truyền “lửa” trong từng mục tiêu, từng nhiệm vụ, tạo sức mạnh và thúc đẩy tinh thần trách nhiệm. Ngọn lửa đó được từng bộ phận truyền đến từng cá nhân nhân viên. Các thành viên của công ty được hỗ trợ để làm việc đạt kết quả cao và khuyến khích phát huy năng lực. Ban lãnh đạo luôn lắng nghe và tìm ra những ý tưởng mới chất lọc từ rất nhiều các ý kiến và đề xuất của nhân viên. Bất đồng cá nhân trong công việc là khó tránh khỏi nhưng tất cả khó khăn, trở ngại đều được giải quyết trên tinh thần vì quyền lợi chung của tập thể và tuân thủ quyết định cuối cùng của lãnh đạo. Chính sự đoàn kết và đồng lòng đó giúp Vinh Hoàn luôn hoạt động hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ. Đây chính là nét văn hóa doanh nghiệp của Vinh Hoàn.

- **GIAO TIẾP** - Chúng tôi hiểu sự thông hiểu là nền tảng để thành công. Do vậy, giao tiếp trong nội bộ công ty như giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các bộ phận và giữa các nhân viên cũng như giao tiếp giữa công ty với bên ngoài như với các nhà cung cấp, khách hàng, đối tác, với các nhà đầu tư, giới truyền thông và với người tiêu dùng sao cho các thông điệp được truyền đạt một cách trọn vẹn là mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi .
- **SỰ TIN CẬY** - Nỗ lực để trở thành nhà cung cấp được tin cậy là mục tiêu của mọi chương trình hành động của chúng tôi. Trong nội bộ công ty, sự tin cậy là chìa khóa để nhân viên nỗ lực làm việc và cống hiến.
- **TINH THẦN TRÁCH NHIỆM** - Chúng tôi tôn trọng lời hứa, nỗ lực để giữ gìn sự tín nhiệm của khách hàng và nhà cung cấp, chủ động chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động và đối với sản phẩm của mình.

Trách nhiệm cộng đồng

Trách nhiệm với cộng đồng không những là sự quan tâm của công ty đối với xã hội mà là sự chia sẻ của từng nhân viên Vinh Hoàn đến những hoàn cảnh khó khăn hơn, các công tác thiện nguyện theo tinh thần nhường cơm sẻ áo giữa con người với nhau trên tinh thần nhân văn.

Trong năm công ty đã có các hoạt động từ thiện sau :

Đơn vị tính: VND

Thời gian	Sự kiện	Đơn vị tổ chức	Số tiền đóng góp
29/01/2010	Ủng hộ công tác xã hội cho xã Tân Thuận Đông	UBND xã Tân Thuận Đông	4.569.000
21/01/2010	Ủng hộ 300 phần quà Tết cho trẻ em nghèo	Quý Bảo trợ trẻ em tỉnh Đồng Tháp	24.000.000
01/02/2010	Tài trợ chương trình lễ hội Văn hóa Xuân 2010	UBND TP. Cao Lãnh	200.000.000
04/02/2010	Ủng hộ trường nuôi dạy trẻ mồ côi ở Thành phố Hồ Chí Minh		30.000.000
04/02/2010	Ủng hộ học sinh nghèo trường THCS Võ Trường Toản		3.000.000
05/02/2010	Ủng hộ Tết “Vi người nghèo” năm 2010	UBMTTQ TP. Cao Lãnh	100.000.000
09/02/2010	Tặng quà cho tổ Nhân Dân Tự Quản Phường 11		5.000.000
09/02/2010	Hỗ trợ quà “Cây mùa xuân” cho trẻ em nghèo Phường 11	UBND Phường 11	8.000.000
10/02/2010	Ủng hộ học sinh nghèo trường Trung Học Hoàng Diệu		2.000.000
10/02/2010	Ủng hộ học sinh nghèo trường THPT Trần Quốc Toản		3.000.000

10/02/2010	Ủng hộ Hội người mù TP. Cao Lãnh		10.000.000
01/03/2010	Tài trợ nhân kỷ niệm 10 năm thành lập CLB Y, Bác Sĩ Trẻ Tỉnh Đồng Tháp	CLB Y, Bác Sĩ Trẻ Tỉnh Đồng Tháp	10.000.000
19/03/2010	Ủng hộ tân binh nhập ngũ xã Tân Thuận Đông	UBND xã Tân Thuận Đông	8.500.000
25/03/2010	Tài trợ giải Việt dã tranh cúp Vinh Hoàn lần 1	Tỉnh đoàn Đồng Tháp	122.975.061
27/03/2010	Hỗ trợ quà Tết cho công nhân nghèo		5.100.000
29/03/2010	Hoạt động truyền thống, kỷ niệm 35 năm giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước	Tung Tâm Giáo Dục Truyền Thống Và Lịch Sử Tỉnh Đồng Tháp	3.000.000
14/04/2010	Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Tỉnh Đồng Tháp	10.000.000
27/04/2010	Hỗ trợ nguồn kinh phí cho công tác để phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con và trẻ em bị ảnh hưởng	Trung Tâm Phòng Chống HIV/AIDS Đồng Tháp	10.000.000
29/04/2010	Tài trợ " Hội Thi Trạng Nguyên" lần 9/2010 Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Trường TH Lê Quý Đôn	9.206.000
04/05/2010	Tài trợ cuộc thi Vượt Lên Số Phận	Tạp chí Thanh niên	10.000.000
21/05/2010	Ủng hộ kinh phí tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 35 năm Miền Nam giải phóng thống nhất đất nước	Đoàn TNCS Tỉnh Đồng Tháp	46.940.000
24/05/2010	Ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.	Quỹ hỗ trợ trẻ em Tỉnh Đồng Tháp	5.000.000
24/05/2010	Ủng hộ chương trình "Quỹ sữa vươn cao Việt Nam"	Quỹ sữa vươn cao Việt Nam	5.000.000
15/06/2010	Hỗ trợ quỹ khuyến học khoa thủy sản Trường Đại Học Cần Thơ	Trường Đại Học Cần Thơ	10.000.000
23/06/2010	Ủng hộ chương trình "Nghĩa tình Đồng Tháp "	UBMTTQ Tỉnh Đồng Tháp	500.000.000
30/06/2010	Ủng hộ Quỹ Lê Triệu Kiệt		50.000.000
27/07/2010	Ủng hộ cho 2 trường tiểu học tại Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự	2.000.000
29/07/2010	Hỗ trợ đóng góp quà "Đền ơn đáp nghĩa" xã Tân Hòa	UBND Xã Tân Hòa	10.000.000
24/08/2010	Ủng hộ trường nuôi dạy trẻ mồ côi		30.000.000
31/08/2010	Hỗ trợ tổ chức các hoạt động ngày 30/04 và 01/05	Đoàn TNCS Tỉnh Đồng Tháp	20.348.909
14/09/2010	Tài trợ Giải quần vợt Tỉnh Đồng Tháp mở rộng lần thứ II/2010	Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Tháp	20.000.000
17/09/2010	Tài trợ tổ chức hội "Vầng trăng yêu thương"	Đoàn TNCS Thành Phố Cao Lãnh	15.000.000
12/10/2010	Tài trợ quỹ trẻ em nghèo khuyết tật	Phòng LĐTB&XH Thành Phố Cao Lãnh	50.000.000
15/11/2010	Tài trợ học bổng Trường Lê Quý Đôn năm học 2010 - 2011	Trường Lê Quý Đôn	2.000.000
25/11/2010	Tài trợ học bổng Trường trung học Trưng Vương	Trường Trung Học Trưng Vương	2.000.000
25/11/2010	Tham dự chương trình đi bộ gây quỹ vì trẻ em nghèo ngày 9/10	UBND Thành phố Cao Lãnh	7.432.273
25/11/2010	Ủng hộ xây dựng trạm xá cho xã Tân Thuận Đông – Thành phố Cao Lãnh và hỗ trợ 50 suất thuốc	UBND xã Tân Thuận Đông	287.470.297
Tổng cộng			1.641.541.570

Cán bộ công nhân viên cũng tự nguyện đóng góp từ tiền lương, thực hiện hoạt động nhường cơm sẻ áo giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn như sau :

Đơn vị tính: VNĐ

Thời gian	Sự việc	Số tiền đóng góp
03/2010	Quyên góp 1.000 suất thuốc cho “chương trình 1.000 suất thuốc hướng về người nghèo, gia đình chính sách các xã vùng sâu thông qua GIẢI VIỆT DÃ TRANH CÚP VĨNH HOÀN LẦN 1 - NĂM 2010”	30.000.000
10/2010	Trích một ngày lương ủng hộ đồng bào miền trung bị bão lụt.	95.000.000
10/2010	Quyên góp ủng hộ hoàn cảnh khó khăn cho nhân viên công ty (2 nhân viên QC phòng Kỹ Thuật).	32.240.000
Tổng cộng		157.240.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MỤC LỤC

- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- Báo cáo kiểm toán
- Bản cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
- Báo cáo lưu chuyển tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
- Phụ lục

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vinh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vinh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau:

- Thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 6 năm 2010 và lần 03 ngày 01 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Trương Thị Lệ Khanh	179.650.000.000	38,10
Các cổ đông khác	291.862.730.000	61,90
Cộng	471.512.730.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (84-67) 3891166
Fax : (84-67) 3891672
Email : vh@vinhhoan.com.vn
Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vinh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8, 9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản.
- Mua bán thủy hải sản.
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản; chế biến thức ăn thủy sản.
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái.
- Sản xuất bao bì giấy, in các loại.
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất và mua bán thức ăn thủy sản.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007	100,00%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 325,680,000,000 VND lên 471,512,730,000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 23 tháng 4 năm 2009 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 16 tháng 4 năm 2010 như sau:

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9.422.100.000 VND
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010	13.526.034.445 VND
- Tạm trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2010	2.000.000.000 VND
- Tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu	108.810.630.000 VND
Cộng	133.758.764.445 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám Đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám Đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám Đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám Đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám Đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc,

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

Ngày 13 tháng 04 năm 2011

Báo cáo Kiểm Toán

Số: 0434/2011/BCTC-KTTV

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình bày tại thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2011.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO ĐƯỢC LẬP BẰNG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH CÓ GIÁ TRỊ NHƯ NHAU. BẢN TIẾNG VIỆT LÀ BẢN GỐC KHI CẦN ĐỐI CHIẾU.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám Đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.180.827.088.551	914.828.473.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	126.419.394.330	209.967.674.177
1. Tiền		111		103.419.394.330	151.967.674.177
2. Các khoản tương đương tiền		112		23.000.000.000	58.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		37.562.972.164	15.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	37.562.972.164	15.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		345.314.077.746	333.781.035.976
1. Phải thu khách hàng		131	V.3	333.366.537.831	313.778.577.707
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	12.922.329.731	18.850.212.538
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây					
dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.5	3.056.076.828	1.152.245.731
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	(4.030.866.644)	-
IV. Hàng tồn kho		140		642.317.455.278	334.239.891.853
1. Hàng tồn kho		141	V.7	657.405.301.010	355.061.759.269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(15.087.845.732)	(20.821.867.416)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		29.213.189.033	21.539.871.649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	821.149.166	608.820.078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		15.975.180.965	10.315.619.657
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.10	537.381.441	1.496.010.723
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.11	11.879.477.461	9.119.421.191
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		641.259.325.478	601.428.190.243
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		588.797.962.752	569.140.010.538
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.12	527.681.392.368	514.833.994.879
Nguyên giá		222		722.995.848.063	640.505.272.657
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(195.314.455.695)	(125.671.277.778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	48.226.156.602	34.915.377.050
<i>Nguyên giá</i>	228		49.692.887.301	35.878.937.301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.466.730.699)	(963.560.251)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	12.890.413.782	19.390.638.609
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	10.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		52.461.362.726	32.278.179.705
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	27.180.901.134	17.594.333.935
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	8.848.344.103	2.613.223.603
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	16.432.117.489	12.070.622.167
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.822.086.414.029	1.516.256.663.898

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		836.972.067.754	839.364.459.048
I. Nợ ngắn hạn	310		746.457.409.480	628.513.866.675
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	352.351.393.210	399.402.059.691
2. Phải trả người bán	312	V.19	99.195.986.814	168.013.169.506
3. Người mua trả tiền trước	313		577.547.162	1.195.641.514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	33.391.496.069	21.899.615.883
5. Phải trả người lao động	315	V.21	30.177.526.068	24.042.250.476
6. Chi phí phải trả	316	V.22	7.933.634.694	1.148.887.790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	168.538.948.671	4.004.047.564
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		34.550.000.000	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	19.740.876.792	8.808.194.251
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		90.514.658.274	210.850.592.373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	88.869.872.693	209.822.118.693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	1.644.785.581	1.028.473.680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		936.000.963.008	642.319.399.270
I. Vốn chủ sở hữu	410		936.000.963.008	642.319.399.270
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	471.512.730.000	325.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	191.808.000.000	92.448.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(32.725.310.618)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	1.799.344.642	861.407.971
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.27	136.774.604	136.774.604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	303.469.424.380	223.193.216.695
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		49.113.383.267	34.572.805.580
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.822.086.414.029	1.516.256.663.898

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

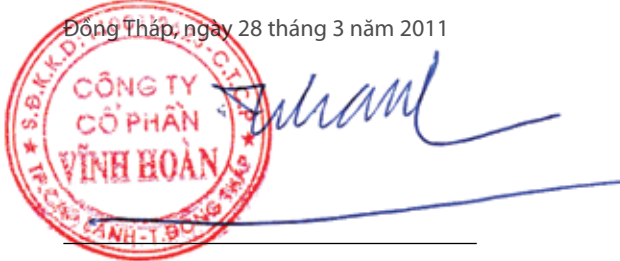
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5.656.325,53	4.864.228,68
Euro (EUR)		438,09	432,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.021.654.856.536	2.785.274.167.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12.479.934.277	14.271.126.710
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.009.174.922.259	2.771.003.040.885
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.421.857.449.478	2.318.805.922.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		587.317.472.781	452.197.118.512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	67.838.069.858	54.951.217.933
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	88.143.238.643	71.729.956.746
Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.772.283.092	49.057.616.580
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	210.928.260.566	159.219.196.109
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	86.913.426.339	35.032.152.214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		269.170.617.091	241.167.031.376
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.435.838.681	5.048.147.679
12. Chi phí khác	32	VI.8	725.465.889	5.892.183.887
13. Lợi nhuận khác	40		3.710.372.792	(844.036.208)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		272.880.989.883	240.322.995.168
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	50.540.560.566	27.570.711.035
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	(6.235.120.500)	4.771.012.040
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		228.575.549.817	207.981.272.093
18,1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		14.540.577.687	14.752.208.587
18,2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		214.034.972.130	193.229.063.506
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4.573	4.613

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		272.880.989.883	240.322.995.168
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	73.685.227.992	64.519.745.487
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	(1.703.155.040)	(1.809.644.569)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	8.982.681.278	13.332.794.616
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(10.621.338.599)	(1.790.099.821)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	44.772.283.092	49.057.616.580
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		387.996.688.606	363.633.407.461
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.762.670.800)	(40.377.232.449)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(302.343.541.741)	6.225.568.009
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		163.424.043.657	46.555.428.778
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.432.997.671)	(3.505.671.121)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(45.219.335.672)	(50.990.324.832)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(34.972.830.296)	(16.208.085.454)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		157.646.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.603.706.717)	(6.970.487.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		110.243.295.366	298.362.602.951
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14, VII	(109.751.050.341)	(96.726.024.641)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	160.454.545	478.069.372
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.697.256.415)	(162.804.060.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.434.284.251	147.914.060.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	8.975.526.226	5.547.435.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(122.868.041.734)	(105.590.519.409)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	126.960.000.000	118.128.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(32.725.310.618)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.26	1.193.093.765.419	2.162.598.741.514
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.26	(1.359.196.261.558)	(2.238.401.310.252)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(25.850.000)	(45.013.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.893.656.757)	(2.688.068.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(84.518.403.125)	190.084.014.804
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	209.967.674.177	20.826.093.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		970.123.278	(942.434.192)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	126.419.394.330	209.967.674.177



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vinh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vinh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
4. **Tổng số các công ty con :** 02
Trong đó:
 Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

6. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
 Trong năm, Công ty cổ phần Vinh Hoàn đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 325.680.000.000 VND lên 471.512.730.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
 Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND).

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mục và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mục kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mục và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mục kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mục kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mục và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày	:	31/12/2009	:	17.941 VND/USD
		31/12/2010		18.932 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.991.498.222	1.941.192.023
Tiền gửi ngân hàng	87.041.765.338	150.026.482.154
Tiền đang chuyển	11.386.130.770	-
Các khoản tương đương tiền (*)	23.000.000.000	58.000.000.000
Cộng	126.419.394.330	209.967.674.177

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	32.197.256.415	2.800.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	5.365.715.749	12.500.000.000
Cộng	37.562.972.164	15.300.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 32,000,000,000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	149.395.587.811	148.701.382.211
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	36.854.446.317	86.027.809.662
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	147.116.503.703	79.049.385.834
Cộng	333.366.537.831	313.778.577.707

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tương đương 40,000,000,000 VND đã được đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	12.808.234.185	15.912.029.425
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	114.095.546	2.938.183.113
Cộng	12.922.329.731	18.850.212.538

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải thu	-	327.700.000
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	2.066.879.098	-
Các khoản phải thu khác	989.197.730	824.545.731
Cộng	3.056.076.828	1.152.245.731

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	192.983.833.928	259.157.628
Nguyên liệu, vật liệu	158.607.701.186	70.069.896.138
Công cụ, dụng cụ	2.591.995.474	2.004.874.353
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	207.797.886.346	111.911.030.281
Thành phẩm	83.491.197.528	170.791.254.700
Hàng hóa	486.130.764	25.546.169
Hàng gửi đi bán	11.446.555.784	-
Cộng	657.405.301.010	355.061.759.269

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	337.367.454	-
Công cụ, dụng cụ	22.003.532	265.435.081
Thành phẩm	14.728.474.746	20.556.432.335
Cộng	15.087.845.732	20.821.867.416

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	20.821.867.416
Hoàn nhập dự phòng	(5.734.021.684)
Số cuối năm	15.087.845.732

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	608.820.078
Tăng trong năm	2.626.290.392
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(2.413.961.304)
Số cuối năm	821.149.166

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	5,684,687	-
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	531,696,754	1,496,010,723
Cộng	537,381,441	1,496,010,723

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	11,190,533,994	8,565,632,491
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	688,943,467	553,788,700
Cộng	11,879,477,461	9,119,421,191

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	245.668.821.886	381.529.678.645	11.779.335.758	1.527.436.368	640.505.272.657
Tăng trong năm	36.256.073.040	46.179.523.845	4.637.512.971	859.513.675	87.932.623.531
Mua sắm mới	3.874.400.000	2.205.126.054	1.330.363.636	786.427.300	8.196.316.990
Đầu tư xây dựng hoàn thành	30.832.237.486	43.974.397.791	3.307.149.335	73.086.375	78.186.870.987
Tăng khác	1.549.435.554	-	-	-	1.549.435.554
Giảm trong năm	-	(5.310.833.980)	(131.214.145)	-	(5.442.048.125)
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.684.767.988)	(131.214.145)	-	(3.815.982.133)
Giảm khác	-	(1.626.065.992)	-	-	(1.626.065.992)
Số cuối năm	281.924.894.926	422.398.368.510	16.285.634.584	2.386.950.043	722.995.848.063
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.458.142.921	21.311.395.692	891.183.033	253.926.670	23.914.648.316
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.351.429.138	101.067.873.527	3.584.492.890	667.482.223	125.671.277.778
Khấu hao trong năm	17.062.173.171	53.434.985.298	2.275.532.127	409.366.948	73.182.057.544
Tăng khác	17.367.939	-	-	5.913.297	23.281.236
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.549.403.933)	(12.756.930)	-	(3.562.160.863)
Số cuối năm	37.430.970.248	150.953.454.892	5.847.268.087	1.082.762.468	195.314.455.695
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	225.317.392.748	280.461.805.118	8.194.842.868	859.954.145	514.833.994.879
Số cuối năm	244.493.924.678	271.444.913.618	10.438.366.497	1.304.187.575	527.681.392.368
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 259.290.837.862 VND và 178.399.046.192 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.275.891.501	603.045.800	35.878.937.301
Mua trong năm	13.667.700.000	146.250.000	13.813.950.000
Số cuối năm	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	612.648.913	350.911.338	963.560.251
Khấu hao trong năm	381.861.408	121.309.040	503.170.448
Số cuối năm	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	34.663.242.588	252.134.462	34.915.377.050
Số cuối năm	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 13.639.391.151 VND và 13.151.976.773 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua tài sản cố định	1.860.216.476	9.884.482.172	(5.863.959.702)	(270.350.000)	5.610.388.946
Xây dựng cơ bản dở dang	17.530.422.133	64.168.062.604	(72.322.911.285)	(2.095.548.616)	7.280.024.836
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	44.838.958.853	(58.828.923.968)	-	75.386.075
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	199.889.060	(199.889.060)	-	1.920.571.250
Chi phí đào ao nuôi cá	992.567.852	12.767.894.527	(8.470.429.496)	(1.836.484.710)	3.453.548.173
Các công trình khác	551.931.841	6.361.320.164	(4.823.668.761)	(259.063.906)	1.830.519.338
Cộng	19.390.638.609	74.052.544.776	(78.186.870.987)	(2.365.898.616)	12.890.413.782

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	7.033.940.516	6.663.819.989	(1.647.569.145)	(2.792.312.557)	9.257.878.803
Tiền thuê đất	10.377.366.961	9.529.139.256	(590.917.435)	(1.392.566.451)	17.923.022.331
Chi phí khác	183.026.458	-	(183.026.458)	-	-
Cộng	17.594.333.935	16.192.959.245	(2.421.513.038)	(4.184.879.008)	27.180.901.134

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

Số đầu năm	2.613.223.603
Phát sinh trong năm	6.235.120.500
Số cuối năm	8.848.344.103

17. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	346.351.393.210	355.168.735.691
- Vay Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam ^(a)	29.400.329.580	-
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	118.151.063.630	276.252.854.450
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(c)	-	78.915.881.241
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	198.800.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	6.000.000.000	44.233.324.000
Cộng	352.351.393.210	399.402.059.691

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động của công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với trị giá 40.000.000.000 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(c) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, bột và mỡ cá. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

(d) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, nhà số 384 Nguyễn Trãi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	355.168.735.691	1.153.612.715.419	-	(1.160.529.641.558)	(1.900.416.342)	346.351.393.210
Vay dài hạn đến hạn trả	44.233.324.000	-	14.000.000.000	(52.233.324.000)	-	6.000.000.000
Cộng	399.402.059.691	1.153.612.715.419	14.000.000.000	(1.212.762.965.558)	(1.900.416.342)	352.351.393.210

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Vinh Hoàn	60.502.117.769	103.544.659.164
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1	38.443.228.295	64.026.648.629
Tại Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ)	250.640.750	441.861.713
Cộng	99.195.986.814	168.013.169.506

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.087.179.292	(3.087.179.292)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	1.114.854.235	19.114.204.165	(20.234.743.087)	(5.684.687)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.496.010.723)	2.010.793.981	(1.046.480.012)	(531.696.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.473.339.655	50.604.712.680	(34.972.830.296)	33.105.222.039
Thuế thu nhập cá nhân	95.657.597	1.429.073.040	(1.238.456.607)	286.274.030
Thuế nhà đất	-	627.573.749	(627.573.749)	-
Các loại thuế khác	3.215.764.396	(35.398.954)	(3.180.365.443)	-
Cộng	20.403.605.160	76.838.137.954	(64.387.628.485)	32.854.114.628

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vinh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vinh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	447.052.580
Chi phí phải trả cho luật sư	4.545.261.990	-
Chi phí khác	3.388.372.704	701.835.210
Cộng	7.933.634.694	1.148.887.790

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.693.839.082	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	554.638.042	577.514.590
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Các khoản phải trả khác	166.245.071.547	2.159.176.600
Cộng	168.538.948.671	4.004.047.564

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 7 và POR 8.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	8.808.194.251
Trích quỹ trong năm	15.526.034.445
Chi quỹ trong năm	(4.593.351.904)
Số cuối năm	19.740.876.792

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ^(a)	23.627.560.693	143.822.118.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	65.242.312.000	66.000.000.000
Cộng	88.869.872.693	209.822.118.693

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất của khu đất 17.186,5 m².

^(b) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất 12%/năm để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

26. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	6.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	88.869.872.693
Tổng nợ	94.869.872.693

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	209.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong năm	39.481.050.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(146.433.296.000)
Số kết chuyển	(14.000.000.000)
Số cuối năm	88.869.872.693

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong năm	910.118.901
Số chi trong năm	(293.807.000)
Số cuối năm	1.644.785.581

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 34.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	25.850.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	25.850.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.052.920	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.052.920	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	46.098.353	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.021.654.856.536	2.785.274.167.595
- Doanh thu bán hàng hóa	384.268.817.325	467.191.638.220
- Doanh thu bán thành phẩm	2.278.324.239.904	2.064.109.029.517
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.094.162.374	3.497.138.240
- Doanh thu nguyên vật liệu	24.855.854.162	9.784.270.756
- Doanh thu phế phẩm	306.111.782.771	240.692.090.862
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(12.479.934.277)	(14.271.126.710)
- Giảm giá hàng bán	(632.572.009)	(465.021.060)
- Hàng bán bị trả lại	(11.847.362.268)	(13.806.105.650)
Doanh thu thuần	3.009.174.922.259	2.771.003.040.885
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	381.415.752.278	465.322.529.320
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.268.697.370.674	2.053.948.182.787
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	28.094.162.374	3.497.138.240
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	24.855.854.162	9.784.270.756
- Doanh thu thuần phế phẩm	306.111.782.771	238.450.919.782

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	488.369.666.035	451.571.061.418
Giá vốn của thành phẩm	1.820.788.662.319	1.664.752.891.157
Giá vốn của nguyên vật liệu	23.492.808.079	8.575.365.728
Giá vốn của phế phẩm	94.940.334.729	191.644.472.237
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.734.021.684)	2.262.131.833
Cộng	2.421.857.449.478	2.318.805.922.373

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.965.265.242	5.211.647.010
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	718.119.508	619.567.612
Lãi cho vay	1.745.165.082	335.788.850
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	10.225.947.303	4.559.691.055
Lãi bán hàng trả chậm	-	7.248.453.037
Lãi trái phiếu	4.275.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.424.859.241	8.166.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.754.438.482	36.967.904.369
Cộng	67.838.069.858	54.951.217.933

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	44.772.283.092	49.057.616.580
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.407.540.519	13.340.960.616
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.963.415.032	9.331.379.550
Cộng	88.143.238.643	71.729.956.746

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.387.496.983	3.213.176.514
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.720.919	18.159.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	80.631.780	58.197.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.251.032.393	114.715.062.409
Chi phí khác	65.158.378.491	41.214.600.179
Cộng	210.928.260.566	159.219.196.109

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.198.579.488	12.495.359.244
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	916.489.754	747.265.770
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.468.337.070	1.691.004.582
Thuế, phí và lệ phí	1.334.223.179	841.875.680
Chi phí dự phòng	4.030.866.644	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.199.519.022	3.009.514.391
Chi phí khác	56.765.411.183	16.247.132.547
Cộng	86.913.426.339	35.032.152.214

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	160.454.545	478.069.372
Thu nhập khác	4.275.384.136	4.570.078.307
Cộng	4.435.838.681	5.048.147.679

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	253.821.270	4.235.405.411
Chi phí khác	471.644.619	1.656.778.476
Cộng	725.465.889	5.892.183.887

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	214.034.972.130	193.229.063.506
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	214.034.972.130	193.229.063.506
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.802.593	41.890.550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.573	4.613

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.568.000	30.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	11.823.273	11.823.273
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	2.468.330	67.277
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(57.010)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	46.802.593	41.890.550

Năm 2010 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6,427 VND xuống còn 4,613 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	8.029.103.032	33.680.308.269
Ứng trước mua tài sản cố định	978.491.515	12.941.458.177

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		
Bán hàng hóa	391.457.455	174.229.723
Mua nguyên liệu	17.269.270.350	17.894.818.900
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	19.770.975.350	18.050.318.300
Bán hàng hóa	597.656.409	531.865.065
Vay	-	12.000.000.000
Lãi vay	-	359.267.402

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.613.467.744	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	93.385.000	258.842.500
Cộng nợ phải thu	5.706.852.744	1.732.656.481

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 3.328.852.000 VND (năm trước là 2.569.093.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	160.341.949.188	153.615.209.698
Mua hàng hóa, bao bì, hóa chất, dịch vụ	260.639.683.819	281.374.366.853
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Bán nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	124.604.600.800	701.825.217
Mua nguyên vật liệu	7.281.395.152	1.134.952.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng	1.079.294.941	4.970.225.400
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng	18.405.206.907	-
Cộng nợ phải thu	19.484.501.848	4.970.225.400
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	65.161.572.388	22.811.800.508
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	99.820.646.049	1.281.184.200
Cộng nợ phải trả	164.982.218.437	24.092.984.708

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2010

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của các Công ty trong Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	2.308.816.677.868	2.127.939.863.114
Trong nước	700.358.244.391	643.063.177.771
Cộng	3.009.174.922.259	2.771.003.040.885

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của các Công ty trong Tập đoàn hiện nay chỉ nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng sản xuất chế biến thủy sản và thức ăn thủy sản.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	302.648.718	294.847.566
Trên 01 năm đến 05 năm	1.061.562.168	1.333.006.278
Trên 0 năm	1.608.435.371	1.592.244.837
Cộng	2.972.646.257	3.220.098.681

4. Thông tin khác

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các Công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-
Điều chỉnh năm trước	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	-	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	25.680.000.000	92.448.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-
Chia cổ tức	-	-
Trích lập các quỹ	-	-
Số dư cuối năm trước	325.680.000.000	92.448.000.000
Số dư đầu năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9.422.100.000	-
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	108.810.630.000	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27.600.000.000	99.360.000.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-
Số dư cuối năm	471.512.730.000	191.808.000.000



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2011



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám Đốc

Đơn vị tính: VND

Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
-	459.674.037	136.774.604	88.223.024.624	388.819.473.265
-	-	-	(4.493.926)	(4.493.926)
-	401.733.934	-	-	401.733.934
-	-	-	(5.283.115.639)	(5.283.115.639)
-	-	-	-	118.128.000.000
-	-	-	193.229.063.506	193.229.063.506
-	-	-	(45.084.750.000)	(45.084.750.000)
-	-	-	(7.886.511.870)	(7.886.511.870)
-	861.407.971	136.774.604	223.193.216.695	642.319.399.270
-	861.407.971	136.774.604	223.193.216.695	642.319.399.270
-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
-	937.936.671	-	-	937.936.671
-	-	-	(9.422.100.000)	-
-	-	-	(108.810.630.000)	-
-	-	-	-	126.960.000.000
(32.725.310.618)	-	-	-	(32.725.310.618)
-	-	-	214.034.972.130	214.034.972.130
(32.725.310.618)	1.799.344.642	136.774.604	303.469.424.380	936.000.963.008